



EF EPI

Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF

Bảng xếp hạng 113 quốc gia và khu vực theo năng lực Anh ngữ

www.ef.com/epi

EF SET

Làm bài kiểm tra EF
SET Miễn phí

Bài kiểm tra Anh ngữ Tiêu
chuẩn EF www.efset.org

2023

Mục Lục

- 04 Tóm tắt tổng quan
- 06 Bảng xếp hạng EF EPI 2023 theo quốc gia và khu vực
- 08 Bảng xếp hạng EF EPI 2023 theo thành phố
- 10 Thông tin chi tiết về EF EPI 2023
- 12 Tiếng Anh và Kinh tế
- 13 Tiếng Anh và Sự đổi mới
- 14 Tiếng Anh và Công việc
- 16 Tiếng Anh và Xã hội
- 17 Tiếng Anh và Tương lai
- 18 Châu Âu
- 20 Châu Á
- 22 Châu Mỹ La tinh
- 24 Châu Phi
- 26 Trung Đông
- 28 Chi tiết về trình độ
- 40 Kết luận
- 42 Khuyến nghị
- 44 Phụ lục A: Giới thiệu về Chỉ số
- 46 Phụ lục B: Các mức độ thông thạo Anh ngữ EF EPI
- 47 Phụ lục C: Năng lực ngôn ngữ và các cấp độ theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR)
- 48 Phụ lục D: Xếp hạng EF EPI của các quốc gia và khu vực

Tóm tắt tổng quan

Học ngôn ngữ không chỉ đơn giản là việc dịch từng từ; đó còn là việc hiểu biết sâu sắc về các nền văn hóa khác nhau. Khi chúng ta học, chúng ta mở ra khía cạnh rộng lớn hơn, nhìn nhận mọi thứ từ các góc độ hoàn toàn mới. Đây là những kỹ năng quý báu, cùng với sự thông hiểu và sáng tạo, điều mà trí tuệ nhân tạo không thể đạt được.

Cũng như việc học bất kỳ ngôn ngữ nào khác, Tiếng Anh mang lại những lợi ích tương tự. Tuy nhiên, Tiếng Anh đang nằm ở một vị trí đặc biệt trong thế giới hiện đại, không phải vì bản thân ngôn ngữ đó, mà vì có quá nhiều người sử dụng nó. Số lượng người sử dụng Tiếng Anh càng tăng, thì việc thông thạo Tiếng Anh càng trở nên hữu ích.

Giá trị của việc sử dụng chung một ngôn ngữ được thể hiện rõ nhất trong môi trường công việc, nơi Tiếng Anh mở ra cơ hội cho cá nhân và đồng thời thúc đẩy đa dạng và hiệu quả trong tổ chức. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, khi chúng ta đối mặt với thảm họa về khí hậu, chiến tranh và những thách thức toàn cầu khác cùng nhau, nhu cầu về giao tiếp quốc tế, sự hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau và sự đồng cảm giữa con người trong tất cả các lĩnh vực cuộc sống chưa bao giờ cần thiết đến vậy. Trong bối cảnh này, chúng tôi tiếp tục thu thập dữ liệu về mức độ thông thạo Tiếng Anh và công bố báo cáo hàng năm khảo sát cách thức và khu vực địa lý mà Tiếng Anh đang phát triển trên toàn cầu.

Để tạo ra ấn bản 2023 của EF EPI (Chỉ số Thông thạo Tiếng Anh EF), chúng tôi đã phân tích kết quả của 2,2 triệu người trưởng thành đã tham gia bài kiểm tra Tiếng Anh EF SET của chúng tôi trong năm 2022, với sự tập trung đặc biệt vào các xu hướng trình độ Tiếng Anh trên toàn cầu kể từ khi bản đầu tiên của EF EPI được công bố vào năm 2011.

Áo tưởng về sự ổn định toàn cầu

Mức độ thông thạo Tiếng Anh trung bình trên toàn thế giới của người trưởng thành tính theo trọng số dân số không thay đổi kể từ năm 2011, nhưng nhìn lại thập kỷ qua, tổng thể bức tranh không cho thấy một thế giới trong đó Tiếng Anh của mọi người đều giống nhau. Thay vào đó, lợi ích trong một nhóm được bù đắp bằng tổn thất ở nhóm khác, khi hoàn cảnh thay đổi và các ưu tiên thay đổi. Chúng ta sẽ khó thoát khỏi những dự đoán về quyền bá chủ của Tiếng Anh trên toàn thế giới, nhưng chúng ta cũng không thể tiến gần hơn đến việc bình đẳng hóa khả năng tiếp cận các cơ hội nói Tiếng Anh.

Trình độ Tiếng Anh của thế hệ trẻ đang bị suy giảm ở một số nơi.

Nhóm tuổi trẻ nhất của chúng tôi (18-20 tuổi) đang có sự suy giảm về khả năng sử dụng Tiếng Anh. Tuy nhiên, nhận định này chỉ là xu hướng ở một số quốc gia lớn. Ở hầu hết các nơi, khả năng sử dụng Tiếng Anh của giới trẻ đã ổn định, hoặc nếu có sự suy giảm, thì lý do đến từ sự gián đoạn của hệ thống giáo dục trong thời kỳ đại dịch. Hiện chưa rõ liệu sự thiếu hụt kiến thức do COVID-19 có thể tự điều chỉnh trong tương lai hay không, nhưng đối với thế hệ học sinh sau này, chúng ta có thể mong đợi thấy sự phục hồi. Thách thức khó khăn hơn đối với những quốc gia đang trải qua sự suy giảm kéo dài ở nhóm tuổi trẻ nhất, nơi hệ thống giáo dục đang dạy Tiếng Anh kém hiệu quả hơn trước đây. Độc giả có thể tham khảo các xu hướng về khả năng sử dụng Tiếng Anh theo từng nhóm tuổi cụ thể tại trang web EF EPI.

Trình độ Tiếng Anh đối với lực lượng lao động đang tăng

Những người đi làm đang ngày càng nâng cao khả năng sử dụng Tiếng Anh của họ kể từ năm 2015, cũng là năm đầu tiên chúng tôi bắt đầu công bố điểm số theo nhóm tuổi. Sự tiến bộ này xảy ra quá nhanh để có thể được giải thích hoàn toàn bằng việc những người nói Tiếng Anh giỏi hơn ở nhóm tuổi trưởng thành và tăng theo độ tuổi. Nhân lực đang phát triển khả năng sử dụng Tiếng Anh trong môi trường công việc, qua các chương trình đào tạo được ban hành hoặc thông qua sự phát triển cá nhân của họ. Điều này phù hợp với nhu cầu tăng lên đáng kể về các khóa học Tiếng Anh chuyên nghiệp trong thập kỷ qua, khi các công ty và nhân viên đang cố gắng tìm kiếm để thu hẹp khoảng cách giữa yêu cầu của môi trường làm việc toàn cầu và khả năng Tiếng Anh họ đã học trong giáo dục chính thống.

Khoảng cách giới tính vẫn tiếp tục tăng

Trong suốt thập kỷ qua trên toàn cầu, trình độ Tiếng Anh của nam giới đã được cải thiện, trong khi ở phụ nữ lại giảm nhẹ, đảo ngược tình hình so sánh. Mặc dù đa số các quốc gia không có khoảng cách đáng kể giữa nam và nữ, nhưng trong số những quốc gia có khoảng cách đó, có 38 quốc gia ưu ái nam giới và chỉ có 5 ưu ái nữ giới. Môi trường làm việc là nơi thể hiện rõ ràng: nếu mọi người đều cùng đang phát triển trình độ Tiếng Anh trong công việc, thì vẫn có những phạm vi mà phụ nữ chưa được đánh giá đúng mức, đặc biệt là trong các vị trí có mức thu nhập cao hơn và mang tính toàn cầu hơn. Tuy nhiên, khoảng cách về giới tính trong nhóm tuổi từ 18-25 lại lớn gấp ba lần so với những người trong độ tuổi lao động, cho thấy rằng vấn đề này có thể xuất phát từ hệ thống giáo dục chính hoặc là một vấn đề xã hội mà học đường chưa thể giải quyết. Điều này có vẻ ngạc nhiên bởi đã có sự tiến bộ trong việc đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng về giáo dục, sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ trong các bậc học cao hơn và kết quả học tập tổng thể của các học sinh nữ. Các quốc gia có mức mất cân bằng kỹ năng giữa nam và nữ cao và đang gia tăng sẽ cần tiến hành nghiên cứu sâu hơn.

Đông Á đang quay lưng với Tiếng Anh?

Khả năng sử dụng Tiếng Anh của người trưởng thành đã giảm sút ở khu vực Đông Á trong vòng 4 năm qua, và ở Nhật Bản đã kéo dài suốt một thập kỷ. Sự suy giảm này tăng tốc trong năm nay với cả Nhật Bản và Trung Quốc, đều trải qua những thay đổi đáng kể. Trong cùng thời kỳ, số lượng sinh viên Đông Á đăng ký học tại các trường đại học Mỹ giảm đáng kể (-20% cho Hàn Quốc vào năm 2023 so với năm 2020; -30% cho Trung Quốc). Các hạn chế về việc di chuyển do đại dịch cũng góp phần trong đó, nhưng suy giảm trình độ Tiếng Anh có thể là biểu hiện của khoảng cách chính trị và sự chuyển đổi dân số, cũng như nghi vấn ngày càng tăng về tầm ảnh hưởng văn hóa phương Tây đối với lĩnh vực giáo dục.

Tình hình ở Trung Đông có vẻ đang chuyển lại

Trong vòng một thập kỷ qua, trình độ Tiếng Anh trung bình ở Trung Đông đã cải thiện, nhưng điều này xảy ra là nhờ vào sự đóng góp của các quốc gia có trình độ Tiếng Anh cao hơn vào chỉ số chung. Ở cấp độ quốc gia, chúng ta thấy có một vài sự thay đổi đáng kể, ngoại trừ Liban - trong hai năm gần đây, đất nước này đã phải đối mặt với những thách thức khó khăn, và điều này đã được phản ánh qua điểm số của họ.

Khu vực này có một đặc điểm đáng chú ý là sự chênh lệch về trình độ Tiếng Anh giữa các nhóm tuổi thấp nhất thế giới, với cấp độ tương đồng cho tất cả các nhóm tuổi. Điều này thể hiện sự ổn định trong trình độ Tiếng Anh của dân số, vì bất kỳ cải cách giáo dục hiệu quả nào cũng sẽ được phản ánh qua thế hệ trẻ, và bất kỳ chương trình đào tạo nơi làm việc hiệu quả nào cũng sẽ nâng cao trình độ Tiếng Anh của người lao động. Sự ổn định này sẽ không phải là vấn đề nếu trình độ Tiếng Anh ở khu vực này cao hơn, tuy nhiên thực tế là mức độ Tiếng Anh hiện tại ở đây không đáp ứng đủ cho hầu hết các môi trường công việc chuyên nghiệp và chương trình giáo dục bậc cao.

Châu Mỹ Latinh đang có sự cải thiện, trừ những người trẻ.

Về khía cạnh Tiếng Anh, Châu Mỹ Latinh đang trải qua giai đoạn biến đổi. Trong thập kỷ qua, trình độ Tiếng Anh ở Trung Mỹ đã cải thiện nhanh hơn bất kỳ khu vực nào khác trên thế giới, với tốc độ trung bình là 6 điểm mỗi năm. Còn Nam Mỹ cũng đã có sự cải thiện đều đặn. Tuy nhiên, ở Mexico, trình độ Tiếng Anh lại giảm đáng kể, và cả Mexico và Argentina chiếm tỷ trọng lớn trong việc làm giảm trình độ Tiếng Anh của những người từ 18 đến 20 tuổi trên toàn cầu kể từ năm 2015. Trong thời kỳ đại dịch, toàn khu vực đã chứng kiến sự suy giảm trình độ Tiếng Anh của thanh niên cao hơn so với mức trung bình, và cho đến nay, tình hình vẫn chưa được phục hồi.

Sự ổn định của Châu Âu

Mặc dù đứng đầu trong bảng xếp hạng, Châu Âu đang trải qua một giai đoạn suy thoái nhẹ trong năm nay, với một số quốc gia có trình độ Tiếng Anh cao và rất cao lại có số liệu thể hiện sự giảm điểm nhẹ. Khởi điểm từ một mức điểm số xếp hạng cao, xu hướng phát triển dài hạn tại Châu Âu là rất vững chắc, cả trong và ngoài Liên minh châu Âu (EU). Tuy nhiên, một số nền kinh tế lớn của Châu Âu (Pháp, Tây Ban Nha, Ý) vẫn chưa đạt được cùng mức độ thành thạo Tiếng Anh như các nước láng giềng của họ, và một số quốc gia có trình độ Tiếng Anh cao nhất ở Bắc Âu có khoảng cách giới tính ưu ái nam hơn nữ lớn hơn 40 điểm.

Phần còn lại của châu Á chủ yếu ổn định

Khu vực Nam và Đông Nam Á có một sự giảm nhẹ về trình độ Tiếng Anh trung bình, tuy nhiên nhiều quốc gia trong khu vực này vẫn giữ điểm số ổn định hoặc tăng nhẹ. Số điểm trung bình ở khu vực này bị ảnh hưởng bởi trình độ Tiếng Anh ở Ấn Độ đã giảm dần trong vài năm qua. Thêm vào đó, sự tiến bộ của Thái Lan đã bị ảnh hưởng lớn bởi đại dịch. Ở Trung Á, trình độ Tiếng Anh thấp và ổn định, với khoảng cách giới tính cao hơn mức trung bình, xu hướng ưu ái nam giới hơn nữ giới ở hầu hết các quốc gia.

Bắc Phi đang cải thiện

Tại Bắc Phi, trình độ Tiếng Anh đã cải thiện đều đặn trong thập kỷ qua, mặc dù tốc độ cải thiện khá chậm kể từ năm 2021. Hiện chưa rõ liệu cấp độ Tiếng Anh sẽ ổn định ở mức mới này hay tiếp tục tăng. Các trường đại học đang đóng góp vào sự tiến bộ này, trình độ Tiếng Anh cao nhất thường nằm ở nhóm tuổi từ 20-25. Các thảo luận về vai trò của Tiếng Anh và tiếng Pháp trong hệ thống giáo dục của khu vực vẫn đang tiếp diễn.

Trên toàn châu Phi, trình độ Tiếng Anh duy trì ổn định với tất cả các nhóm tuổi thực hiện bài kiểm tra cùng cấp độ ở hầu hết các quốc gia. Khoảng cách trình độ Tiếng Anh giữa nam và nữ ở châu Phi là nhỏ nhất so với bất kỳ khu vực nào, và với vài trường hợp ngoại lệ, chênh lệch giới tính cũng thấp ngang với cấp độ quốc gia.

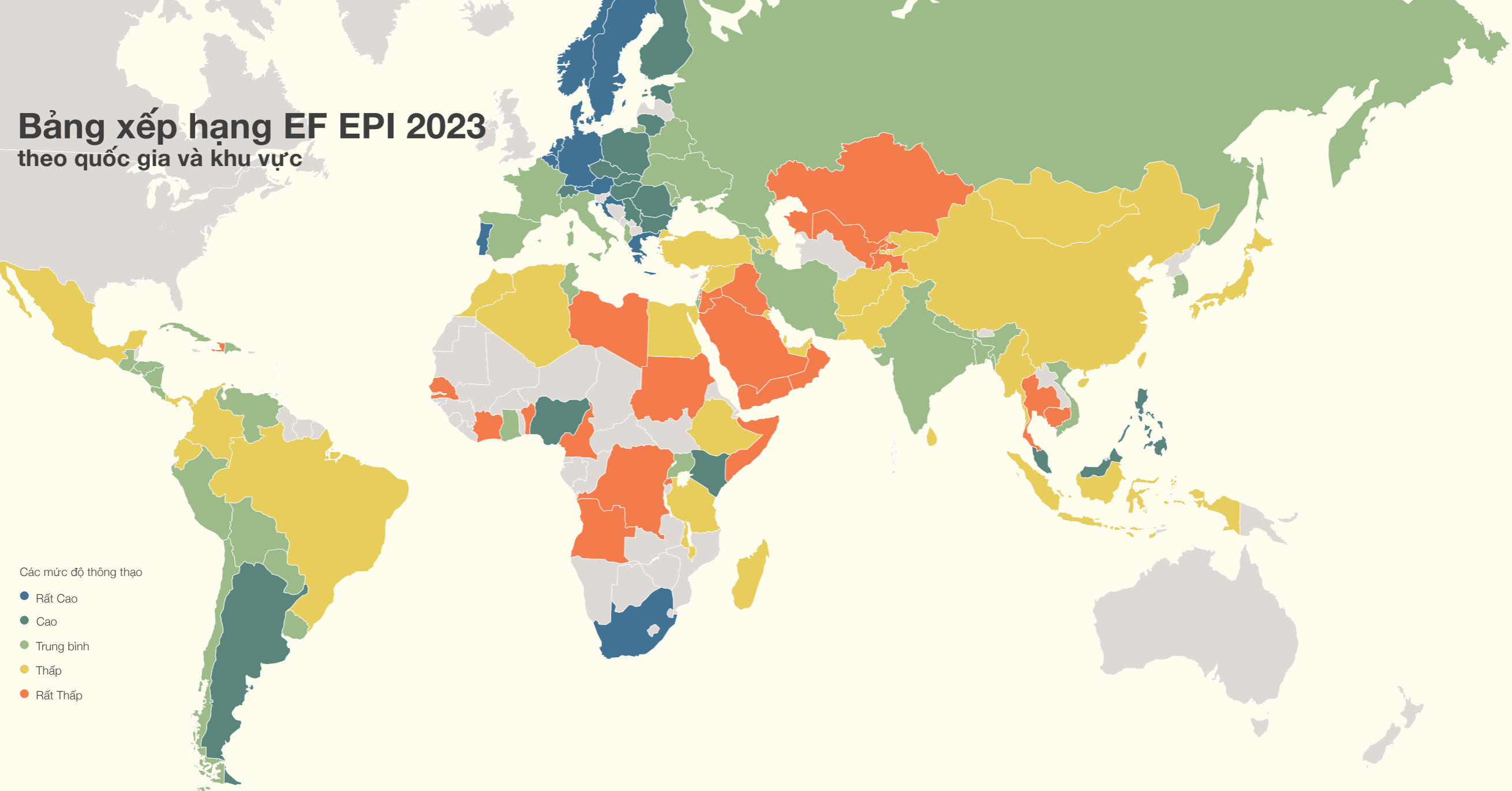
Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong việc chia sẻ quan điểm và xây dựng sự hiểu biết. Điều này đúng cho tất cả các ngôn ngữ, nhưng Tiếng Anh, với việc được sử dụng bởi người dân trên khắp thế giới, có khả năng đặc biệt để kết nối chúng ta gần nhau hơn, vượt qua những ranh giới địa lý. Và nhiều người xứng đáng có cơ hội tham gia vào cuộc trò chuyện toàn cầu này.

Bảng xếp hạng EF EPI 2023

theo quốc gia và khu vực

Các mức độ thông thạo

- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp



Mức độ Thông thạo Rất Cao

| | | |
|----|------------|-----|
| 01 | Hà Lan | 647 |
| 02 | Singapore | 631 |
| 03 | Áo | 616 |
| 04 | Đan Mạch | 615 |
| 05 | Na Uy | 614 |
| 06 | Thụy Điển | 609 |
| 07 | Bỉ | 608 |
| 08 | Bồ Đào Nha | 607 |
| 09 | Nam Phi | 605 |
| 10 | Đức | 604 |
| 11 | Croatia | 603 |
| 12 | Hý Lạp | 602 |

Mức độ Thông thạo Cao

| | | |
|----|------------------------|-----|
| 13 | Ba Lan | 598 |
| 14 | Phần Lan | 597 |
| 15 | Romania | 596 |
| 16 | Bulgaria | 589 |
| 17 | Hungary | 588 |
| 18 | Slovakia | 587 |
| 19 | Kenya | 584 |
| 20 | Philippines | 578 |
| 21 | Lithuania | 576 |
| 22 | Luxembourg | 575 |
| 23 | Estonia | 570 |
| 24 | Serbia | 569 |
| 25 | Malaysia | 568 |
| 26 | Czech Republic | 565 |
| 27 | Nigeria | 562 |
| 28 | Argentina | 560 |
| 29 | Hồng Kông (Trung Quốc) | 558 |
| 30 | Thụy Sĩ | 553 |

Mức độ Thông thạo Trung bình

| | | |
|----|-------------|-----|
| 31 | Honduras | 544 |
| 32 | Georgia | 541 |
| 33 | Belarus | 539 |
| 34 | Ghana | 537 |
| 35 | Ý | 535 |
| 35 | Moldova | 535 |
| 35 | Tây Ban Nha | 535 |
| 38 | Costa Rica | 534 |
| 39 | Albania | 533 |
| 39 | Uruguay | 533 |
| 41 | Bolivia | 532 |
| 41 | Nga | 532 |
| 43 | Cuba | 531 |
| 43 | Pháp | 531 |
| 45 | Paraguay | 530 |
| 45 | Ukraine | 530 |
| 47 | Uganda | 529 |

| | | |
|----|-------------------|-----|
| 48 | Armenia | 528 |
| 49 | Hàn Quốc | 525 |
| 50 | El Salvador | 524 |
| 51 | Peru | 521 |
| 52 | Chile | 518 |
| 53 | Guatemala | 515 |
| 54 | Israel | 514 |
| 55 | Cộng hòa Dominica | 512 |
| 56 | Venezuela | 508 |
| 57 | Nepal | 507 |
| 58 | Iran | 505 |
| 58 | Việt Nam | 505 |
| 60 | Bangladesh | 504 |
| 60 | Ấn Độ | 504 |
| 62 | Nicaragua | 503 |
| 63 | Tunisia | 502 |

Mức độ Thông thạo Thấp

| | | |
|----|--------------------------------------|-----|
| 64 | Pakistan | 497 |
| 65 | Li-băng | 496 |
| 66 | Thổ Nhĩ Kỳ | 493 |
| 67 | Sri Lanka | 491 |
| 67 | Tanzania | 491 |
| 69 | Ethiopia | 490 |
| 70 | Brazil | 487 |
| 71 | Panama | 486 |
| 71 | Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất | 486 |
| 73 | Mông Cổ | 482 |
| 73 | Qatar | 482 |
| 75 | Colombia | 480 |
| 76 | Morocco | 478 |
| 77 | Algeria | 475 |

| | | |
|----|-------------|-----|
| 78 | Madagascar | 474 |
| 79 | Indonesia | 473 |
| 80 | Ecuador | 467 |
| 80 | Syria | 467 |
| 82 | Trung Quốc | 464 |
| 83 | Azerbaijan | 463 |
| 83 | Ai Cập | 463 |
| 85 | Kuwait | 461 |
| 86 | Malawi | 460 |
| 87 | Nhật Bản | 457 |
| 88 | Afghanistan | 456 |
| 89 | Mexico | 451 |
| 90 | Kyrgyzstan | 450 |
| 90 | Myanmar | 450 |

Mức độ Thông thạo Rất Thấp

| | | |
|-----|------------|-----|
| 92 | Palestine | 445 |
| 93 | Uzbekistan | 442 |
| 94 | Cameroon | 438 |
| 94 | Senegal | 438 |
| 96 | Jordan | 431 |
| 97 | Sudan | 430 |
| 98 | Cambodia | 421 |
| 98 | Haiti | 421 |
| 100 | Oman | 418 |
| 101 | Angola | 416 |
| 101 | Bê-nanh | 416 |
| 101 | Thái Lan | 416 |
| 104 | Kazakhstan | 415 |

| | | |
|-----|------------------------|-----|
| 105 | Somalia | 411 |
| 106 | Iraq | 410 |
| 107 | Bờ Biển Ngà | 409 |
| 108 | Ả Rập Xê-út | 408 |
| 109 | Rwanda | 405 |
| 110 | Libya | 392 |
| 110 | Yemen | 392 |
| 112 | Tajikistan | 388 |
| 113 | Cộng hòa Dân chủ Congo | 385 |

Bảng xếp hạng EF EPI 2023 theo thành phố

Các mức độ thông thạo

- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp



Mức độ Thông thạo Rất Cao

| | |
|------------|-----|
| Amsterdam | 646 |
| Viên | 640 |
| Copenhagen | 639 |
| Stockholm | 637 |
| Oslo | 629 |
| Berlin | 625 |
| Sofia | 622 |
| Bern | 621 |
| Talinn | 621 |
| Helsinki | 617 |
| Cape Town | 614 |
| Zagreb | 612 |
| Athens | 611 |
| Vilnius | 610 |
| Lisbon | 609 |
| Warsaw | 605 |
| Bucharest | 602 |
| Budapest | 600 |

Mức độ Thông thạo Cao

| | |
|--------------|-----|
| Beograd | 594 |
| Bratislava | 592 |
| Buenos Aires | 592 |
| Brussels | 589 |
| Prague | 589 |
| Manila | 587 |
| Nairobi | 586 |
| Paris | 579 |
| Lagos | 578 |
| Chişinău | 573 |
| Kuala Lumpur | 564 |
| La Paz | 562 |
| Seoul | 559 |
| Tirana | 559 |
| Madrid | 558 |
| Rome | 555 |
| Santiago | 553 |
| Accra | 552 |
| Tbilisi | 551 |
| Tegucigalpa | 551 |

Mức độ Thông thạo Trung bình

| | |
|----------------|-----|
| Asunción | 549 |
| Minsk | 549 |
| Montevideo | 549 |
| San José | 549 |
| Kiev | 547 |
| Beirut | 545 |
| La Habana | 543 |
| Brasília | 542 |
| Moscow | 542 |
| Hà Nội | 538 |
| Islamabad | 538 |
| Erevan | 536 |
| Lima | 536 |
| San Salvador | 534 |
| Tunis | 533 |
| Thủ đô Jakarta | 531 |
| Colombo | 528 |
| Santo Domingo | 528 |
| Kathmandu | 527 |
| Caracas | 521 |

| | |
|---------------------|-----|
| Dhaka | 521 |
| Thành phố Guatemala | 521 |
| Tehran | 521 |
| Kampala | 520 |
| Addis Ababa | 515 |
| Dar Es Salaam | 515 |
| Bắc Kinh | 514 |
| Algeria | 513 |
| Quito | 513 |
| Rio de Janeiro | 513 |
| Thượng Hải | 512 |
| Managua | 511 |
| Dubai | 510 |
| Rabat | 506 |
| Ankara | 503 |
| Tokyo | 503 |
| Jerusalem | 500 |
| Medellín | 500 |
| Ulaanbaatar | 500 |

Mức độ Thông thạo Thấp

| | |
|------------------|-----|
| Thành phố Panama | 491 |
| Nur-Sultan | 485 |
| Bishkek | 484 |
| Doha | 484 |
| Damascus | 477 |
| Cairo | 476 |
| Quảng Châu | 475 |
| Amman | 470 |
| Baku | 466 |
| Thành phố Mexico | 462 |
| Kabul | 458 |
| Bangkok | 457 |
| Delhi | 451 |

| | |
|------------------|-----|
| Thành phố Kuwait | 446 |
| Tashkent | 445 |
| Mogadishu | 442 |
| Khartoum | 440 |
| Muscat | 436 |
| Yaoundé | 436 |
| Nay Pyi Taw | 433 |
| Luanda | 428 |
| Port-au-Prince | 427 |
| Abidjan | 425 |

Mức độ Thông thạo Rất Thấp

| | |
|------------|-----|
| Baghdad | 425 |
| Phnom Penh | 422 |
| Kinshasa | 421 |
| Tripoli | 410 |
| Kigali | 409 |
| Sana'a | 408 |
| Riyadh | 400 |
| Dushanbe | 392 |

Điểm số trình độ thông thạo Anh ngữ cho hơn 1200 khu vực và thành phố trên thế giới, cũng như dữ liệu về giới tính và độ tuổi, có sẵn để tải về tại đây www.ef.com/epi.

Thông tin chi tiết về EF EPI

Ai là người làm bài kiểm tra?

2.2M

Tổng Số Người Làm Bài Kiểm Tra



55%

Nữ



45%

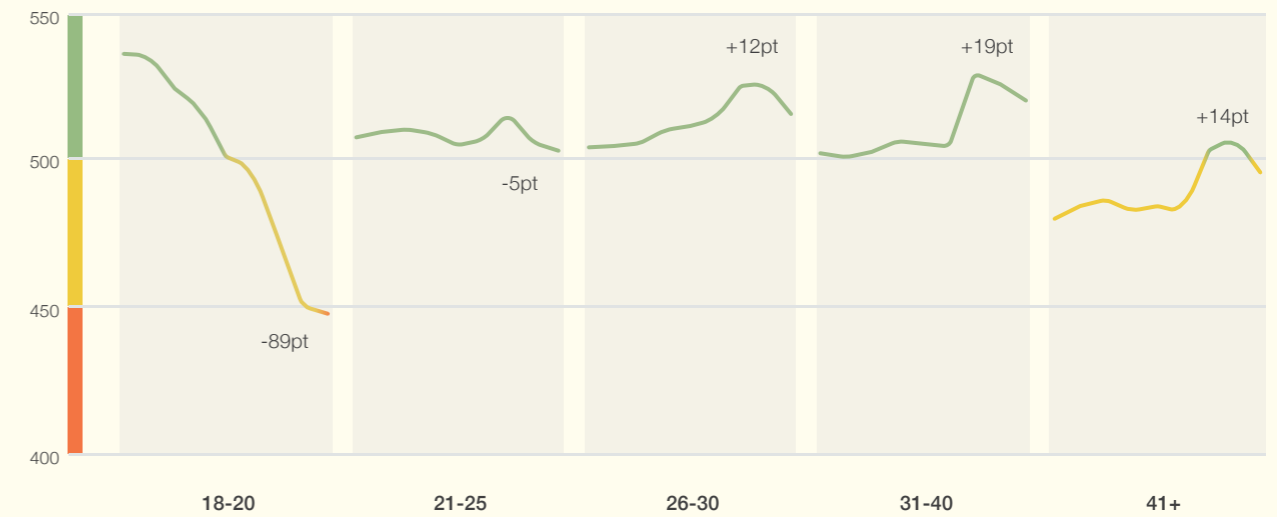
Nam



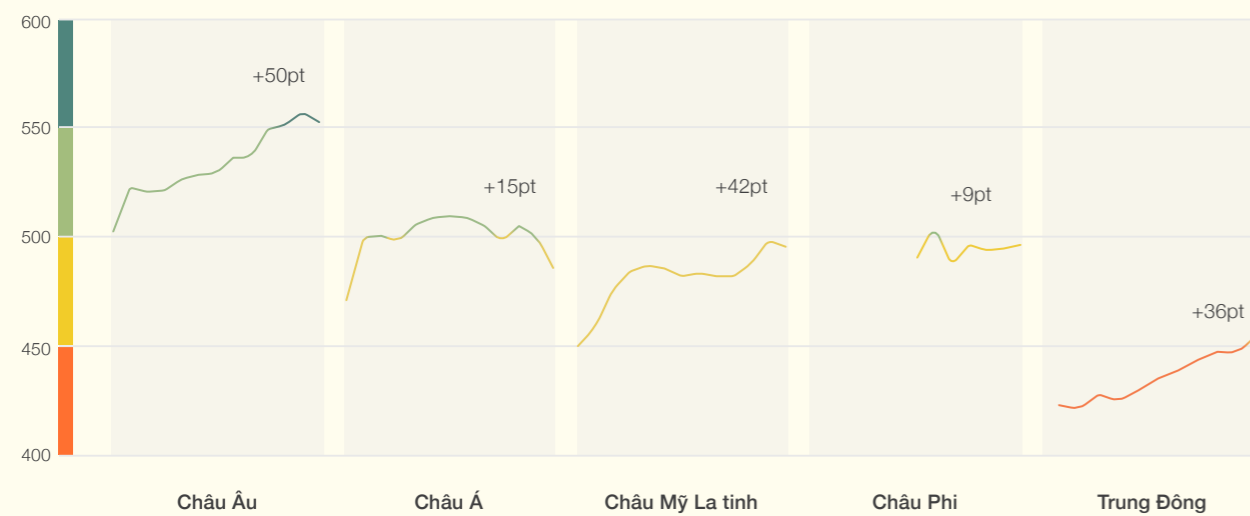
26 Tuổi

Độ tuổi trung bình

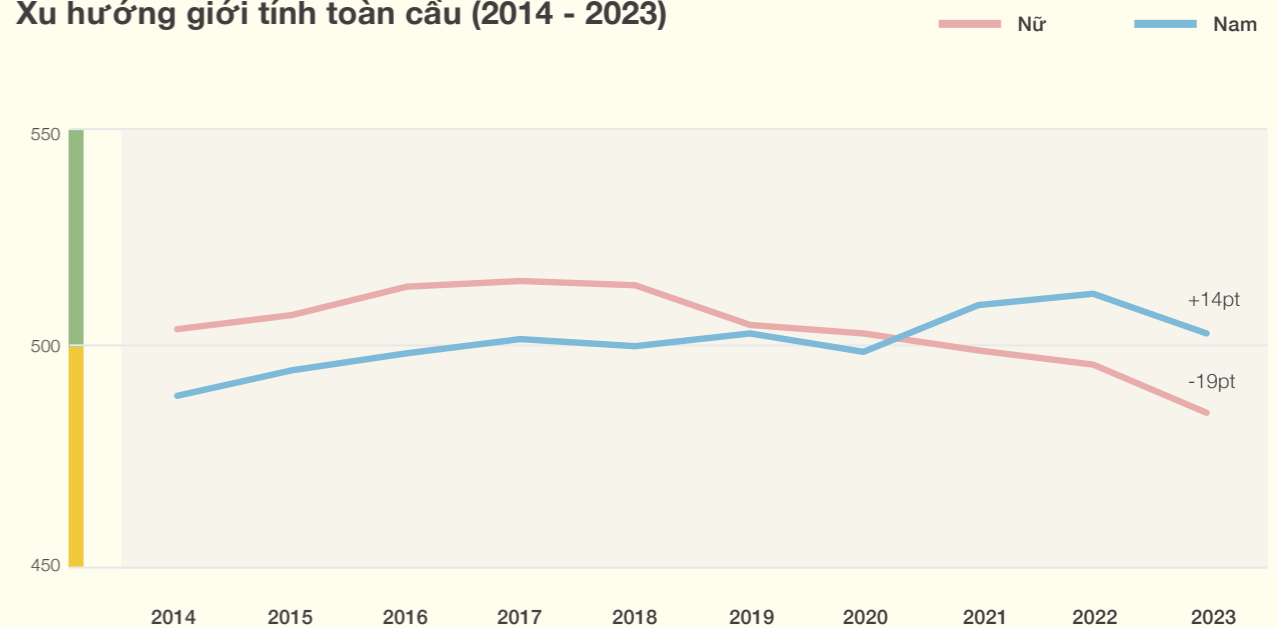
Xu hướng độ tuổi toàn cầu (2015 - 2023)



Xu hướng theo khu vực (2011 - 2023)



Xu hướng giới tính toàn cầu (2014 - 2023)



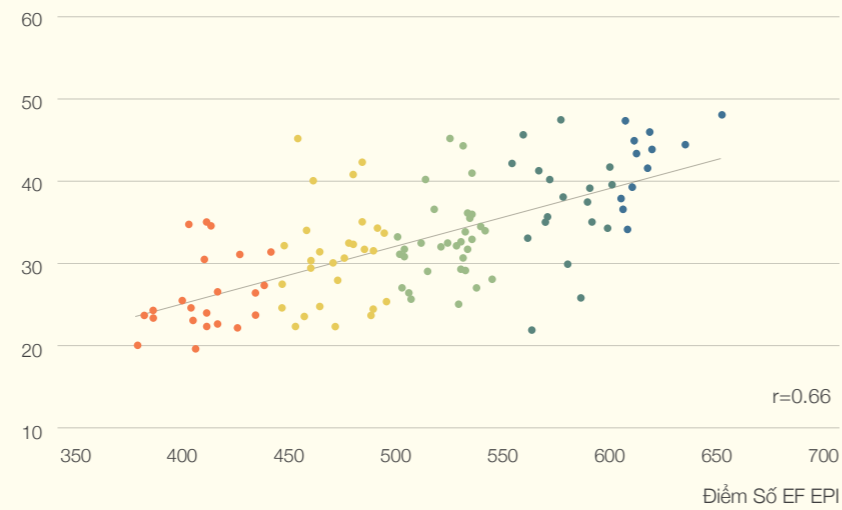
Tiếng Anh và Kinh tế

Mặc dù các thước đo đơn giản về sự giàu có và thương mại có tương quan với trình độ Tiếng Anh, nhưng những mối quan hệ đó không mạnh bằng những thước đo có các chỉ số phức tạp hơn về cân bằng kinh tế, năng suất và tiềm năng. Theo cách này, Tiếng Anh cũng giống như các kỹ năng khác trong lực lượng lao động hiện đại: một mình Tiếng Anh không thể thúc đẩy việc tăng lương hay phát triển thương mại, nhưng trình độ Tiếng Anh tốt hơn đi đôi với lực lượng lao động hiệu quả hơn.

BIỂU ĐỒ A

Tiếng Anh và Năng suất

Chỉ số Năng lực sản xuất



Nguồn: Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển, 2020

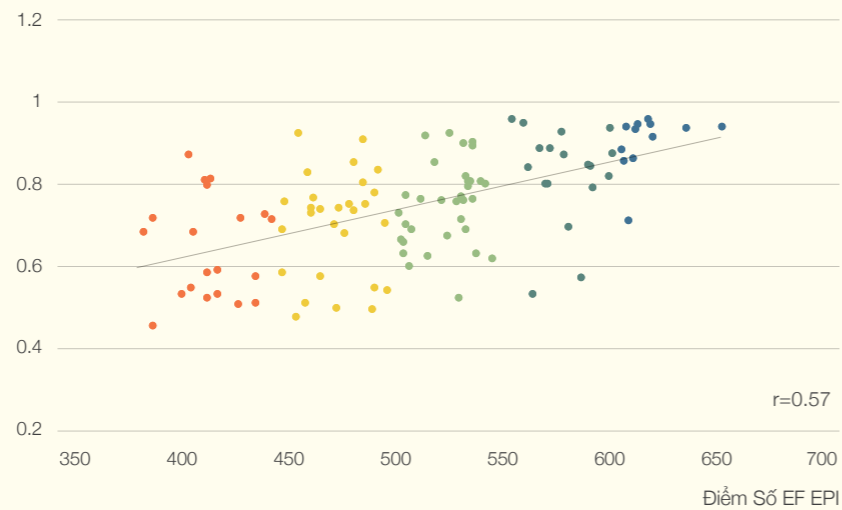
Các mức độ thông thạo

- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp

BIỂU ĐỒ B

Tiếng Anh và Nguồn nhân lực

Chỉ số Phát triển Nguồn Nhân lực



Nguồn: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, 2022

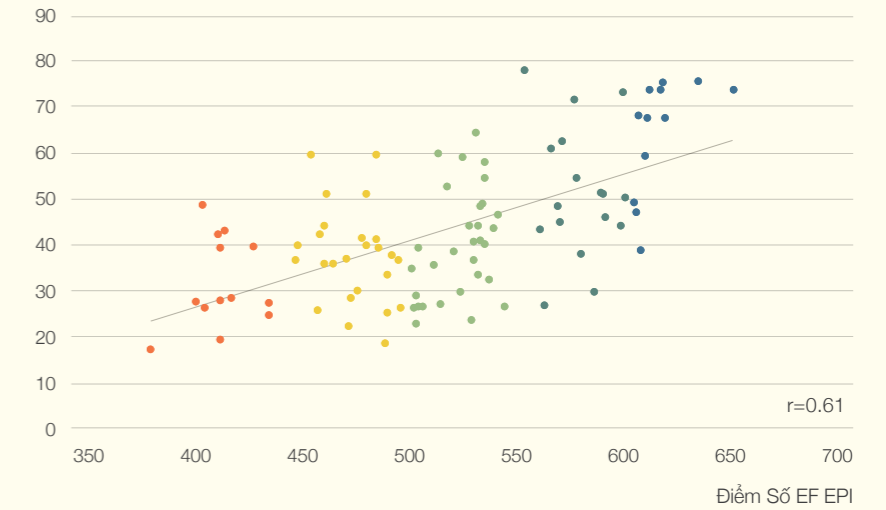
Tiếng Anh và Sự đổi mới

Trong suốt lịch sử, các học giả đã học ngôn ngữ của nhau để theo kịp những ý tưởng mới nhất và tham gia vào các cuộc thảo luận học thuật vượt ra ngoài giới hạn biên giới quốc gia của họ. Thật vậy, sự đổi mới và nghiên cứu phụ thuộc vào dòng chảy không ngừng của thông tin và ý tưởng. Trong thế kỷ qua, khi Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu, việc sử dụng nó đã lan rộng sang các lĩnh vực ngày càng đa dạng, thúc đẩy hơn nữa sự đổi mới. Nhờ sức mạnh của AI, chúng ta có thể nghĩ ra cách vượt qua những rào cản về ngôn ngữ khác nhau, nhưng cho đến khi chúng ta thực hiện được điều đó, mọi người vẫn chỉ có thể cộng tác hiệu quả để thúc đẩy nghiên cứu khi họ nói cùng một ngôn ngữ.

BIỂU ĐỒ C

Tiếng Anh và Năng lực cạnh tranh

Chỉ số Năng lực cạnh tranh Toàn cầu



Nguồn: Lanvin & Monteiro, 2022

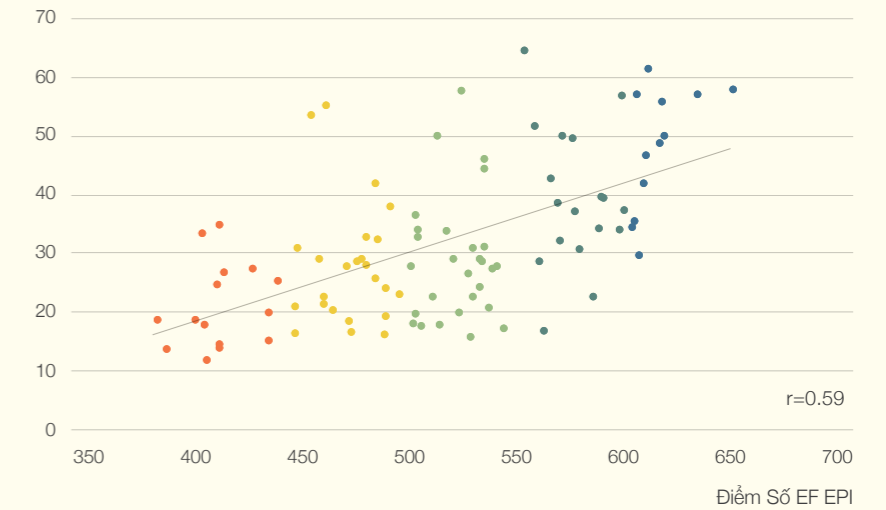
Các mức độ thông thạo

- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp

BIỂU ĐỒ D

Tiếng Anh và Sự đổi mới sáng tạo toàn cầu

Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu

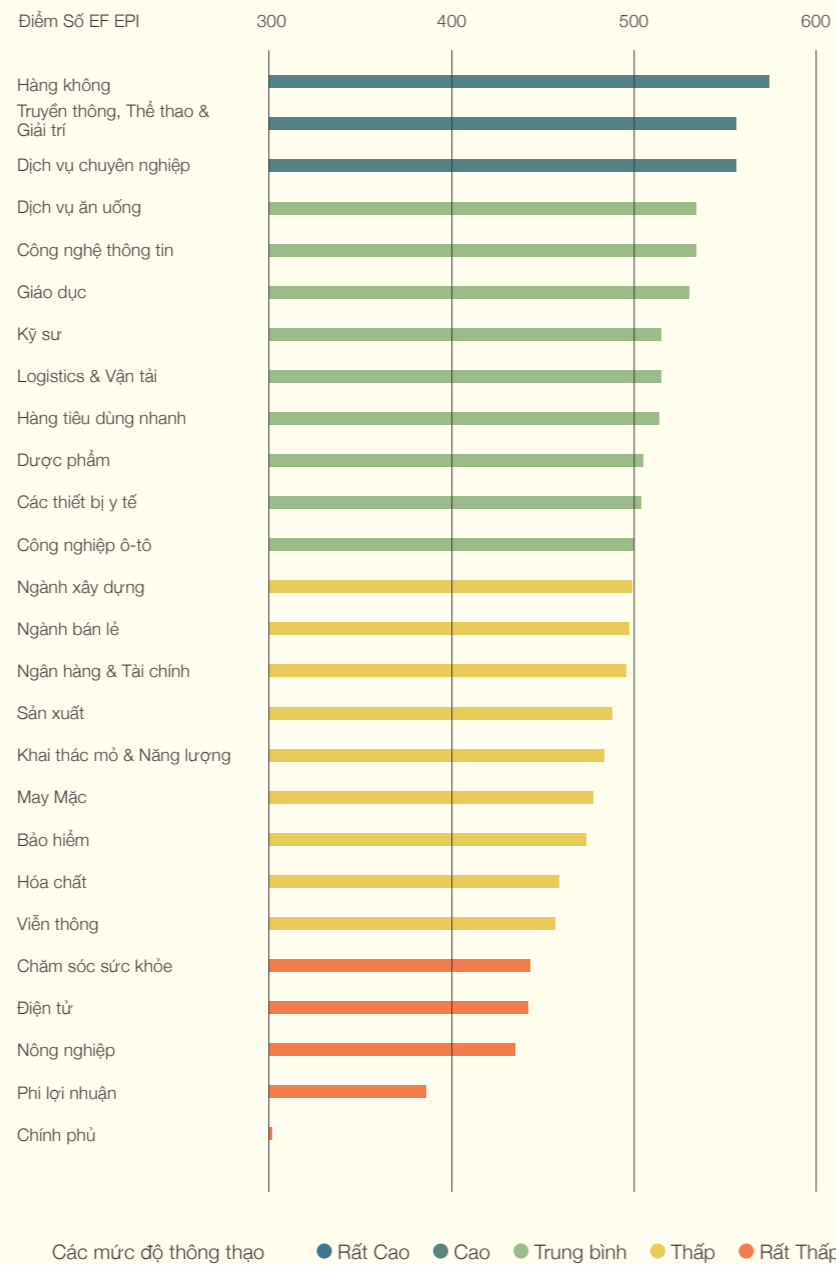


Nguồn: Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, 2022

Tiếng Anh và Công việc

Sự khác biệt về trình độ Tiếng Anh giữa các ngành công nghiệp có thể là kết quả trực tiếp từ các quy trình tuyển dụng và mức độ đầu tư vào chương trình đào tạo Tiếng Anh. Chỉ số tăng liên tục trong lĩnh vực tư nhân có phần gây ngạc nhiên, bởi mức độ hội nhập và cạnh tranh quốc tế trong tất cả các ngành công nghiệp. Các nhà tuyển dụng thuộc chính phủ và tổ chức phi lợi nhuận gây bất lợi cho sự phát triển của nhân viên vì cung cấp rất ít cơ hội để nâng cao kỹ năng so với những nơi làm việc khác.

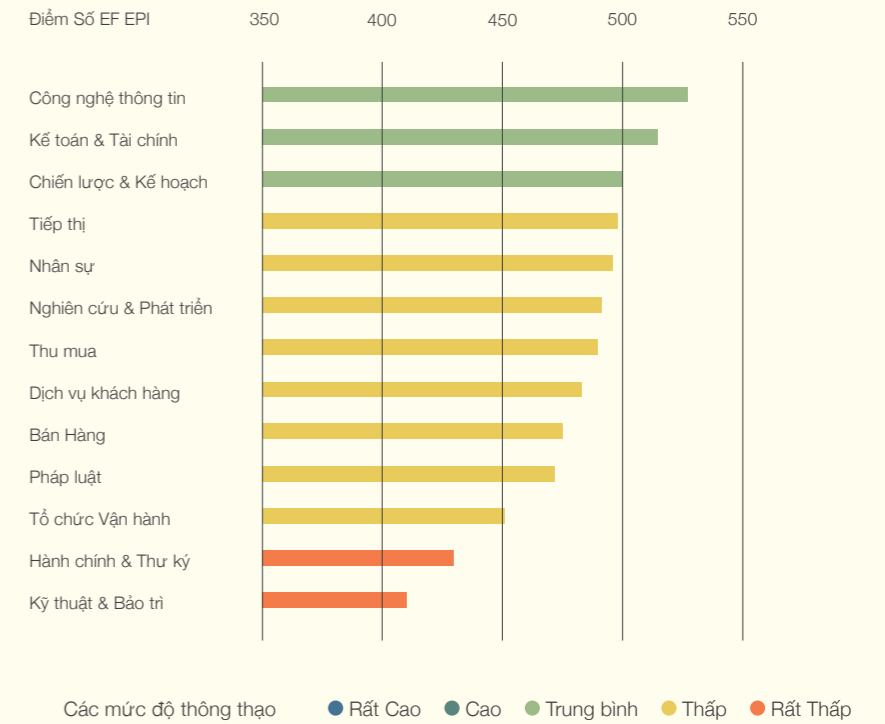
Điểm EF EPI theo Ngành



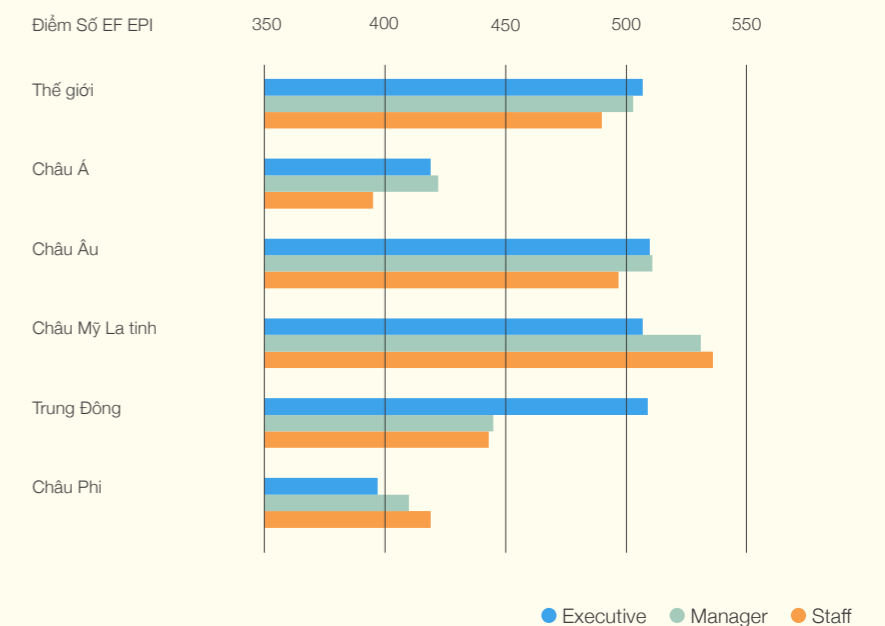
Đối với nhiều chuyên gia, trình độ Tiếng Anh thấp hơn mức trung bình là rào cản cho sự phát triển nghề nghiệp và hạn chế khả năng tiếp cận thông tin của người lao động. Khi thăng tiến đồng nghĩa với chuyển đổi vị trí làm việc lên văn phòng trung tâm với nhiều nhóm đồng nghiệp quốc tế hơn, những nhân viên không nói Tiếng Anh sẽ gặp nhiều khó khăn. Vấn đề đặc biệt nghiêm trọng đối với những người đảm nhiệm vai trò bảo trì và vận hành, nơi trình độ Tiếng Anh yếu hơn và cơ hội nói Tiếng Anh tại nơi làm việc ngày càng khan hiếm. Nhà tuyển dụng có thể trợ giúp bằng cách xác định những cá nhân có thể đang gặp khó khăn, tài trợ cho các chương trình đào tạo có mục tiêu và tạo cơ hội hợp tác cho các nhóm nhân viên đến từ các quốc gia khác nhau. Đứng gần đầu danh sách là các lĩnh vực như lập trình, kế toán và tiếp thị, những vị trí này đặc biệt phù hợp làm việc từ xa, có khả năng làm tăng cạnh tranh giữa ứng viên với nhóm ứng viên quốc tế.

Trong thập kỷ qua, trình độ Tiếng Anh ngày càng trở nên tương đồng giữa các cấp độ thâm niên, có lẽ là do khoảng cách về trình độ Tiếng Anh ngày càng thu hẹp giữa những người trưởng thành ở các độ tuổi khác nhau và quá trình quốc tế hóa trong giáo dục và lộ trình sự nghiệp. Nhóm nhân sự điều hành thường được tuyển dụng từ nguồn ứng viên từ mọi quốc gia, đặc biệt là ở Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ Latinh, nơi mức độ thành thạo của nhóm này gần như giống nhau. Chúng tôi cũng kỳ vọng sẽ thấy khoảng cách năng lực giữa các nhân sự cấp cao sẽ thu hẹp lại, ở các quốc gia có sự ưu tiên tuyển dụng và đào tạo tích cực nhân tài địa phương.

Điểm EF EPI theo Chức năng Công việc



Điểm EF EPI theo Thâm niên



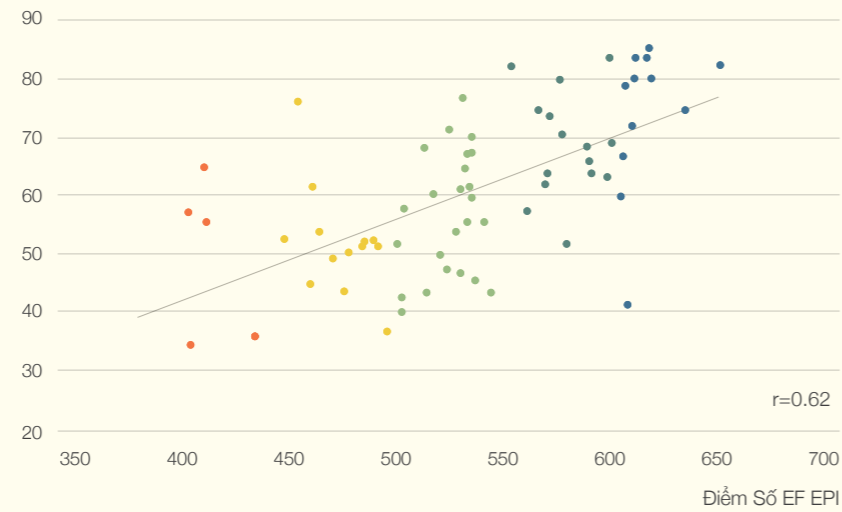
Tiếng Anh và Xã hội

Đối với các cá nhân, việc nói Tiếng Anh mở ra nhiều cánh cửa tiếp cận thông tin, cơ hội với mức lương cao hơn, cơ hội học tập đa dạng và sự độc lập so với mặt bằng lao động chung của quốc gia. Hầu hết những cá nhân học Tiếng Anh đều thu nhận những kiến thức cơ bản trong những chương trình đào tạo quy chuẩn. Do đó, hậu quả của sự bất bình đẳng trong việc được tiếp cận chương trình Anh Ngữ, như là sự thiếu hụt trong hệ thống giáo dục, là nhân số của sự chênh lệch, kìm hãm tiềm năng phát triển của con người và chuyển giao sự bất công từ thế hệ này qua thế hệ khác.

BIỂU ĐỒ E

Tiếng Anh và Di động xã hội

Chỉ số Di động xã hội toàn cầu



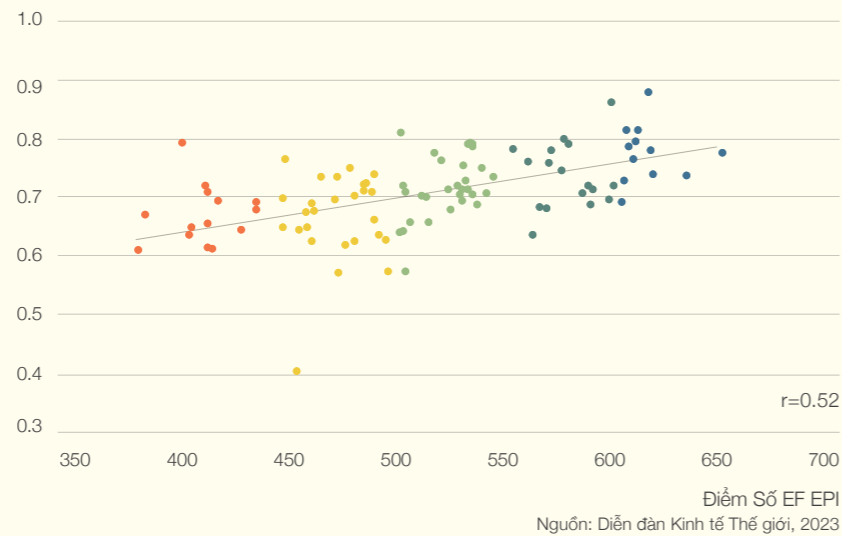
Các mức độ thông thạo

- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp

BIỂU ĐỒ F

Chỉ số khoảng cách giới toàn cầu (ngược lại)

Chỉ số khoảng cách giới toàn cầu (ngược lại)



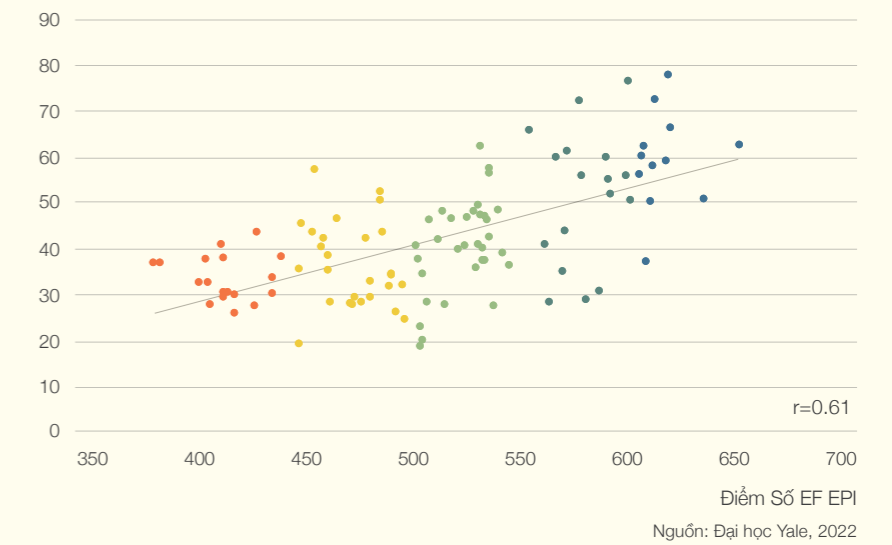
Tiếng Anh và Tương lai

Tiếng Anh không chỉ cho phép mọi người đi du học, làm việc cho các công ty toàn cầu và tham gia nghiên cứu quốc tế, mà còn giúp mọi người giao tiếp với người bên ngoài vòng tròn bạn bè, nâng cao nhận thức về các lối sống và các việc cần ưu tiên, về những bất công mà con người phải chịu đựng và ước mơ của họ cho tương lai. Rất khó để ước tính giá trị mà một thế giới gắn kết hơn mang lại, nhưng các mối đe dọa toàn cầu như khủng hoảng khí hậu chỉ có thể được giải quyết nếu chúng ta nâng cao mức độ đoàn kết và hợp tác quốc tế.

BIỂU ĐỒ G

Tiếng Anh và Môi trường

Chỉ số Hiệu quả môi trường



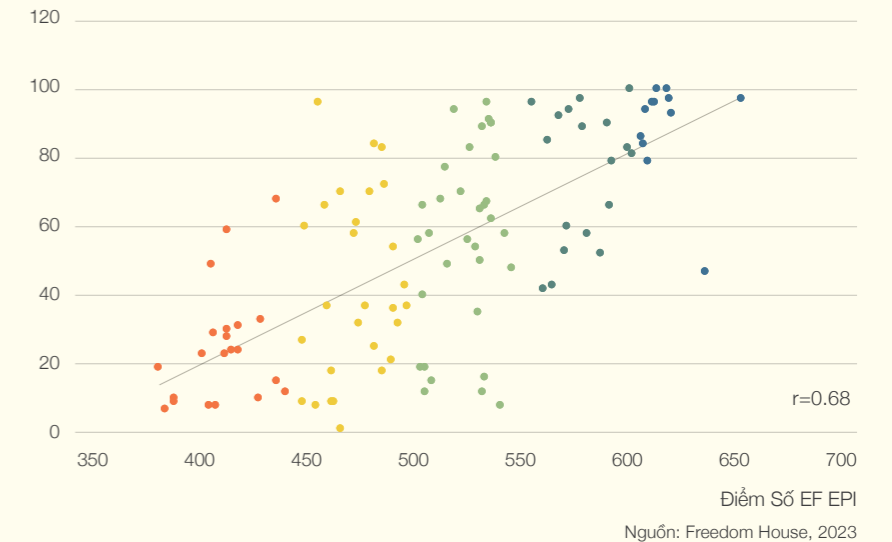
Các mức độ thông thạo

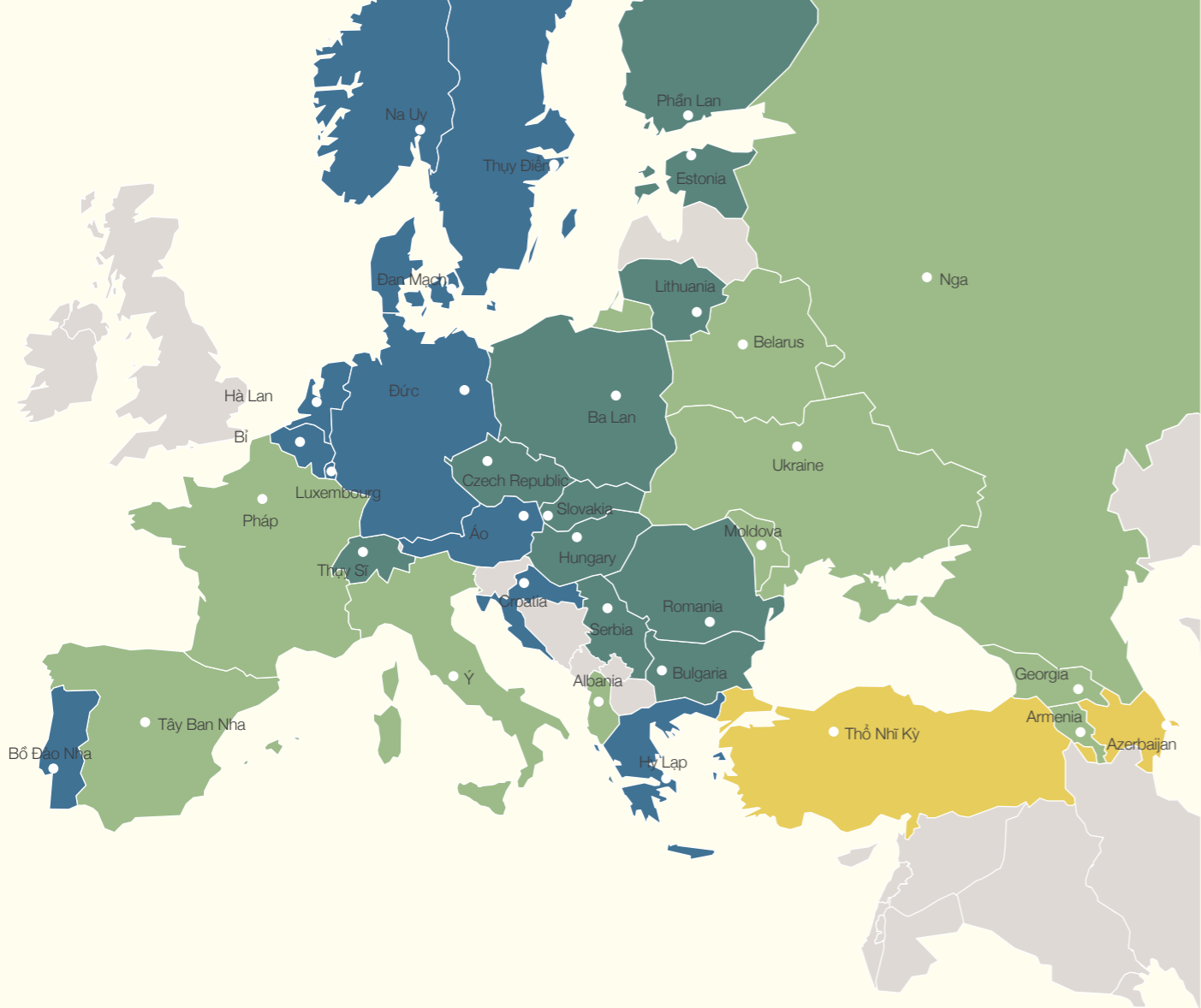
- Rất Cao
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất Thấp

BIỂU ĐỒ H

Tiếng Anh và Tự do

Chỉ số Tự do Toàn cầu





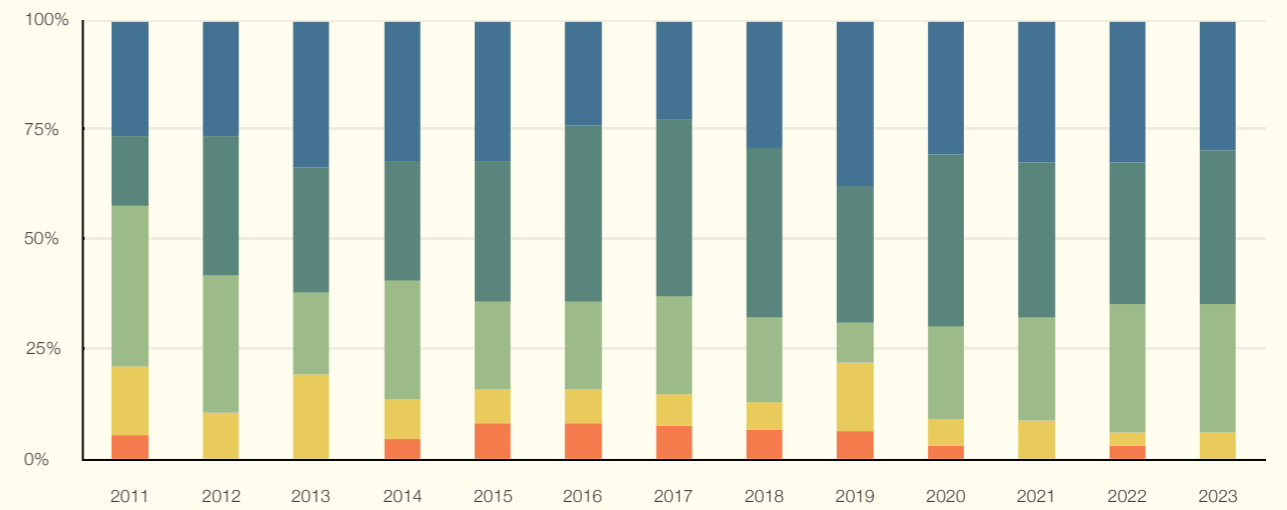
CHÂU ÂU

Bảng Xếp Hạng EF EPI

| | | | | | |
|---------------|-----|-------------------|-----|----------------|-----|
| 01 Hà Lan | 647 | 15 Romania | 596 | 35 Ý | 535 |
| 03 Áo | 616 | 16 Bulgaria | 589 | 35 Moldova | 535 |
| 04 Đan Mạch | 615 | 17 Hungary | 588 | 35 Tây Ban Nha | 535 |
| 05 Na Uy | 614 | 18 Slovakia | 587 | 39 Albania | 533 |
| 06 Thụy Điển | 609 | 21 Lithuania | 576 | 41 Nga | 532 |
| 07 Bỉ | 608 | 22 Luxembourg | 575 | 43 Pháp | 531 |
| 08 Bồ Đào Nha | 607 | 23 Estonia | 570 | 45 Ukraine | 530 |
| 10 Đức | 604 | 24 Serbia | 569 | 48 Armenia | 528 |
| 11 Croatia | 603 | 26 Czech Republic | 565 | 66 Thổ Nhĩ Kỳ | 493 |
| 12 Hy Lạp | 602 | 30 Thụy Sĩ | 553 | 83 Azerbaijan | 463 |
| 13 Ba Lan | 598 | 32 Georgia | 541 | | |
| 14 Phần Lan | 597 | 33 Belarus | 539 | | |

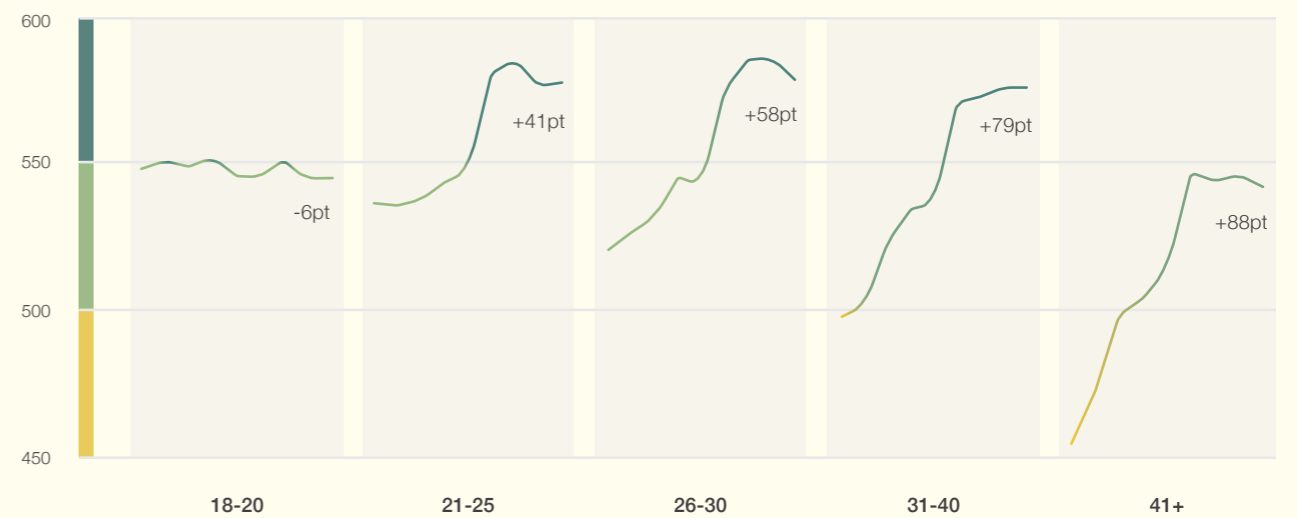
Các mức độ thông thạo: ● Rất Cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất Thấp

Sự phân bố trình độ (2011 - 2023)

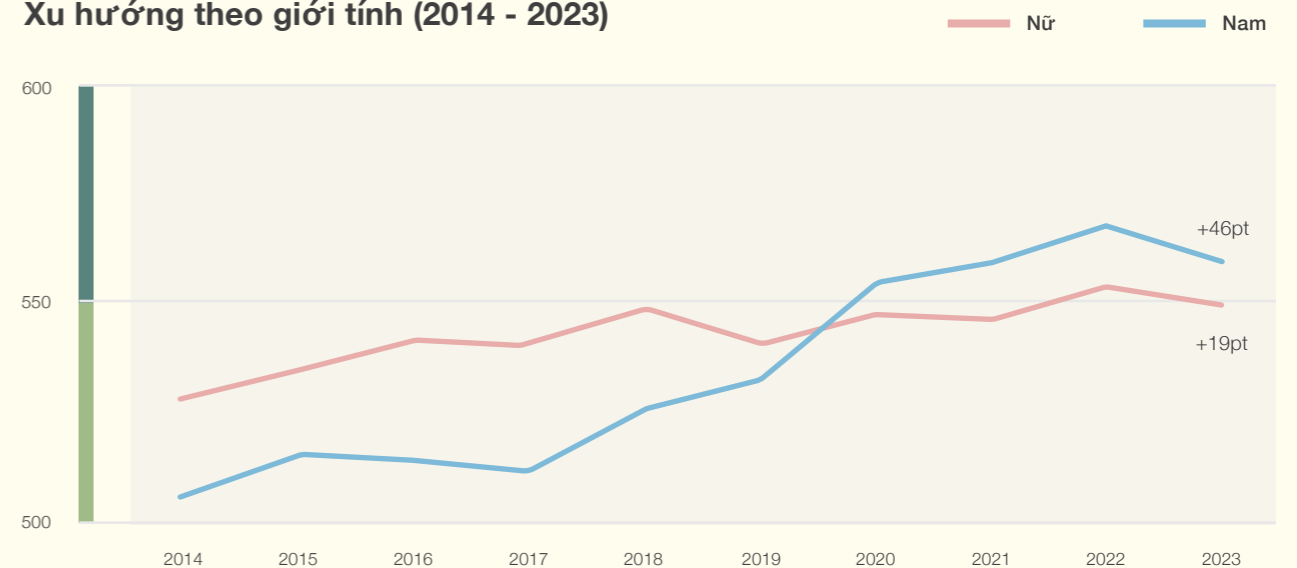


Tỷ lệ phần trăm các quốc gia Châu Âu ở từng mức độ thông thạo theo thời gian

Xu hướng theo tuổi (2015 - 2023)



Xu hướng theo giới tính (2014 - 2023)





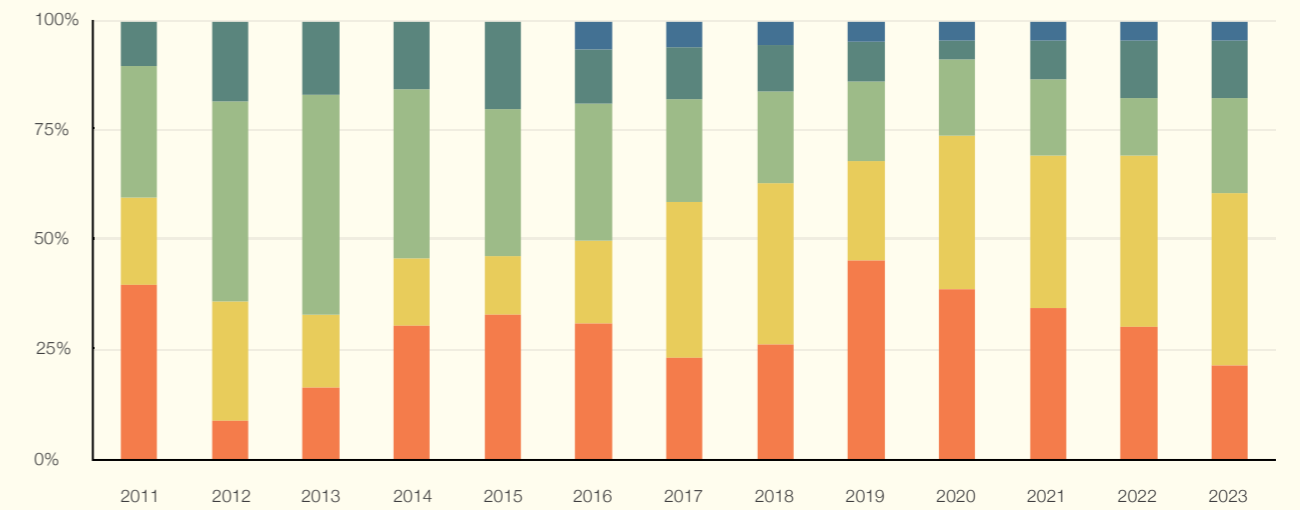
CHÂU Á

Bảng Xếp Hạng EF EPI

| | | | | | | | | |
|----|------------------------|-----|----|-------------|-----|-----|------------|-----|
| 2 | Singapore | 631 | 64 | Pakistan | 497 | 93 | Uzbekistan | 442 |
| 20 | Philippines | 578 | 67 | Sri Lanka | 491 | 98 | Cambodia | 421 |
| 25 | Malaysia | 568 | 73 | Mông Cổ | 482 | 101 | Thái Lan | 416 |
| 29 | Hồng Kông (Trung Quốc) | 558 | 79 | Indonesia | 473 | 104 | Kazakhstan | 415 |
| 49 | Hàn Quốc | 525 | 82 | Trung Quốc | 464 | 112 | Tajikistan | 388 |
| 57 | Nepal | 507 | 87 | Nhật Bản | 457 | | | |
| 58 | Việt Nam | 505 | 88 | Afghanistan | 456 | | | |
| 60 | Bangladesh | 504 | 90 | Kyrgyzstan | 450 | | | |
| 60 | Ấn Độ | 504 | 90 | Myanmar | 450 | | | |

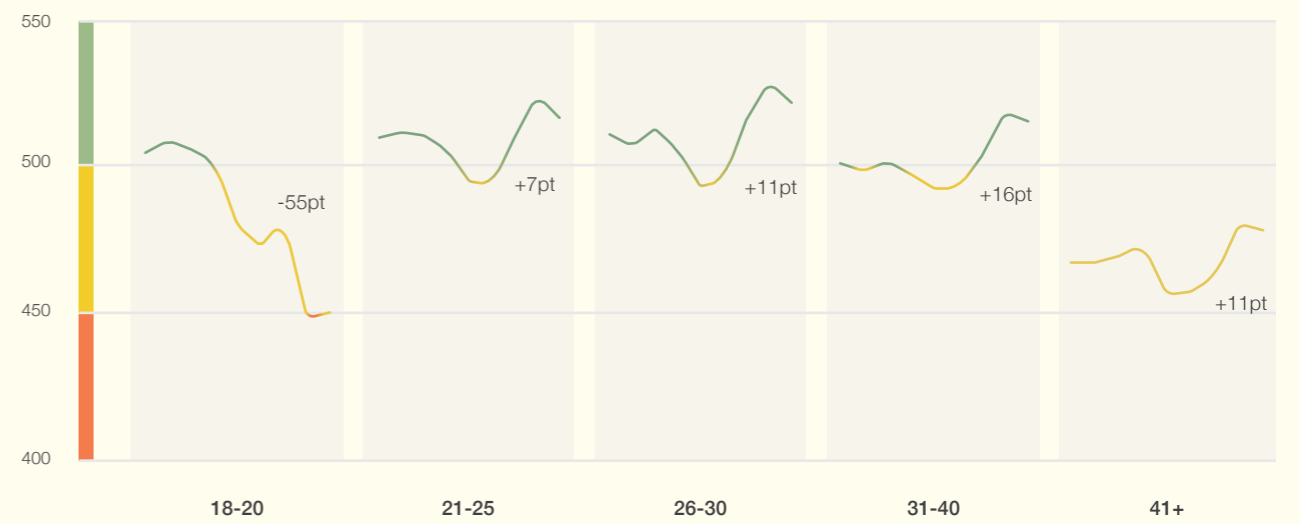
Các mức độ thông thạo: ● Rất Cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất Thấp

Sự phân bố trình độ (2011 - 2023)

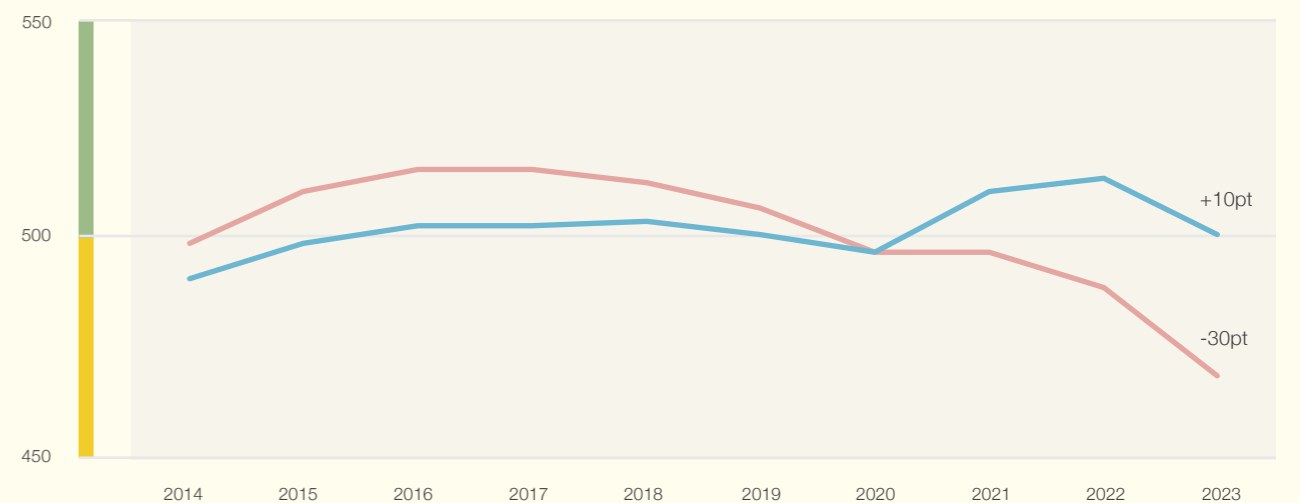


Tỷ lệ phần trăm các quốc gia Châu Á ở từng mức độ thông thạo theo thời gian

Xu hướng theo tuổi (2015 - 2023)



Xu hướng theo giới tính (2014 - 2023)



CHÂU MỸ LA TINH

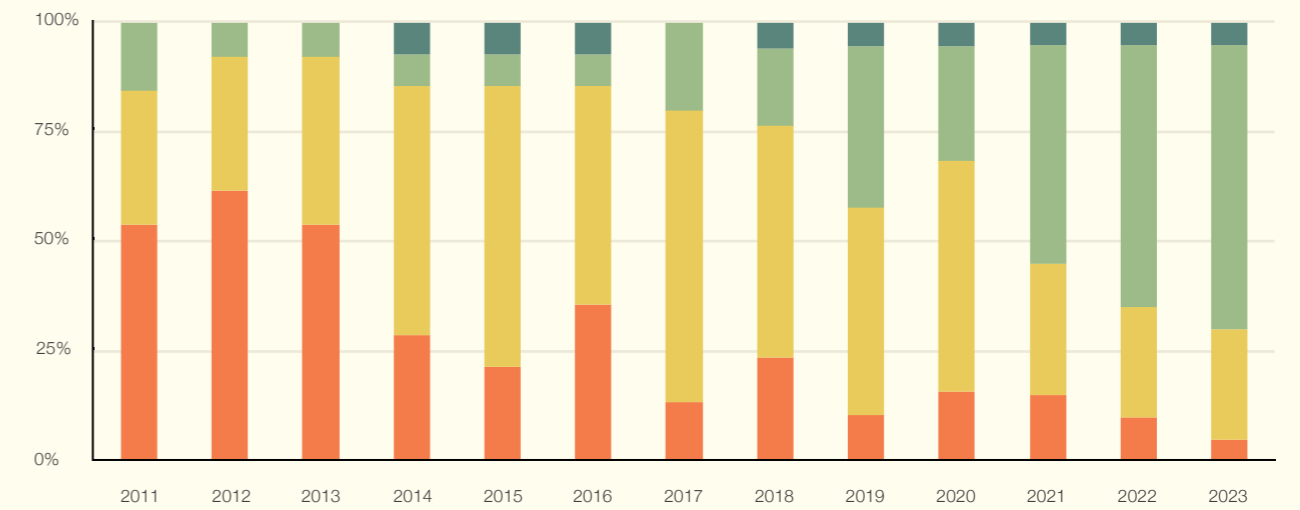


Bảng Xếp Hạng EF EPI

| | | | | | |
|----|-------------|-----|----|-------------------|-----|
| 28 | Argentina | 560 | 53 | Guatemala | 515 |
| 31 | Honduras | 544 | 55 | Cộng hòa Dominica | 512 |
| 38 | Costa Rica | 534 | 56 | Venezuela | 508 |
| 39 | Uruguay | 533 | 62 | Nicaragua | 503 |
| 41 | Bolivia | 532 | 70 | Brazil | 487 |
| 43 | Cuba | 531 | 71 | Panama | 486 |
| 45 | Paraguay | 530 | 75 | Colombia | 480 |
| 50 | El Salvador | 524 | 80 | Ecuador | 467 |
| 51 | Peru | 521 | 89 | Mexico | 451 |
| 52 | Chile | 518 | 98 | Haiti | 421 |

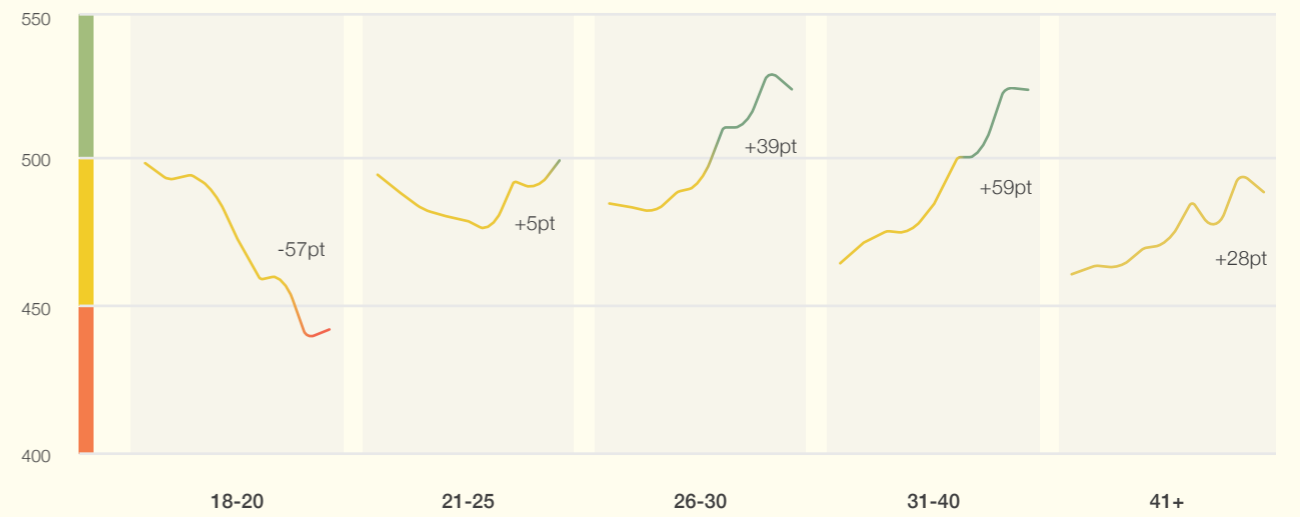
Các mức độ thông thạo: ● Rất Cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất Thấp

Sự phân bố trình độ (2011 - 2023)

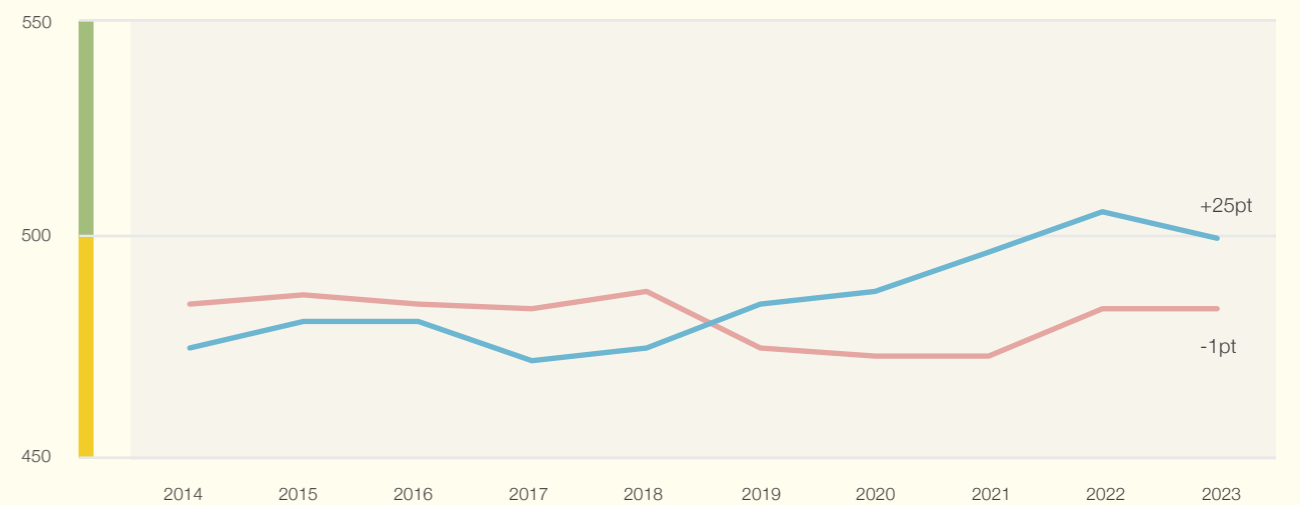


Percentage of Châu Mỹ La tinh countries in each proficiency band over time

Xu hướng theo tuổi (2015 - 2023)



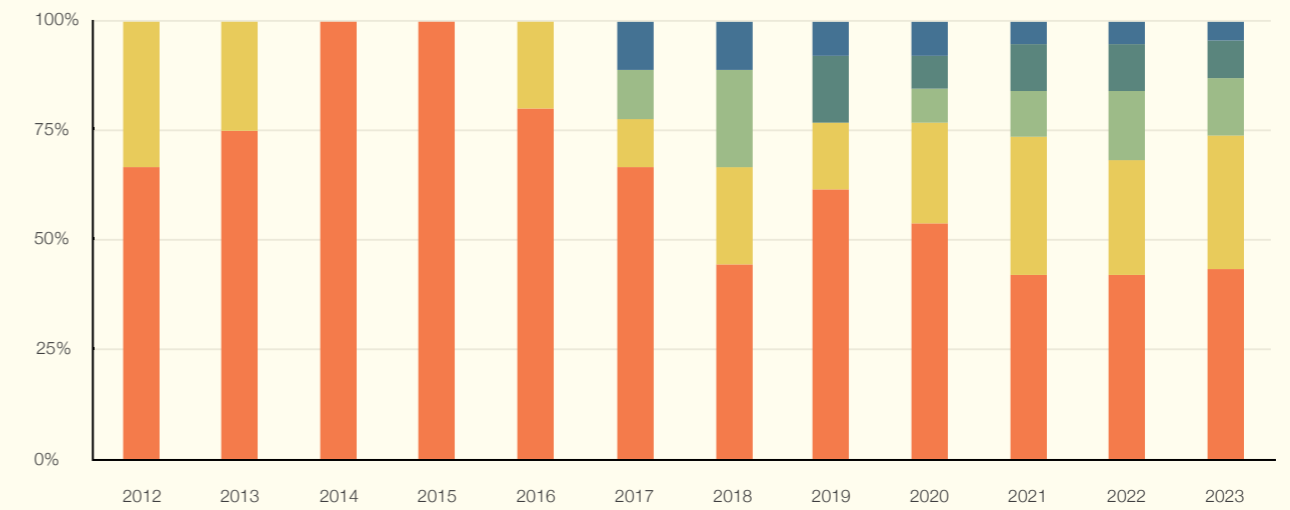
Xu hướng theo giới tính (2014 - 2023)



CHÂU PHI

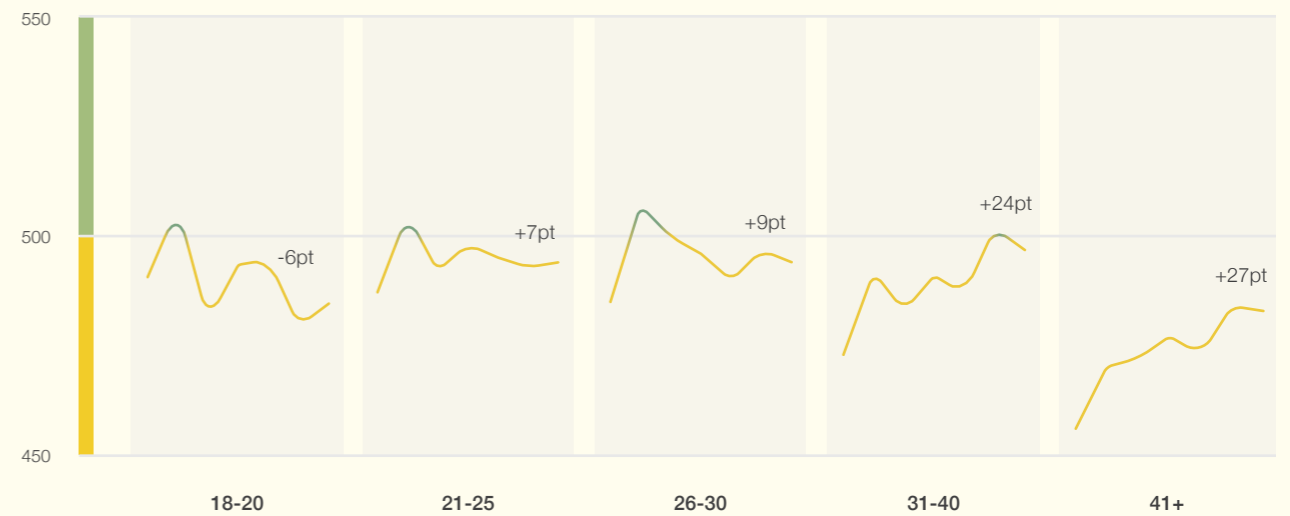


Sự phân bố trình độ (2012 - 2023)



Tỷ lệ phần trăm các quốc gia Châu Phi ở từng mức độ thông thạo theo thời gian

Xu hướng theo tuổi (2017 - 2023)

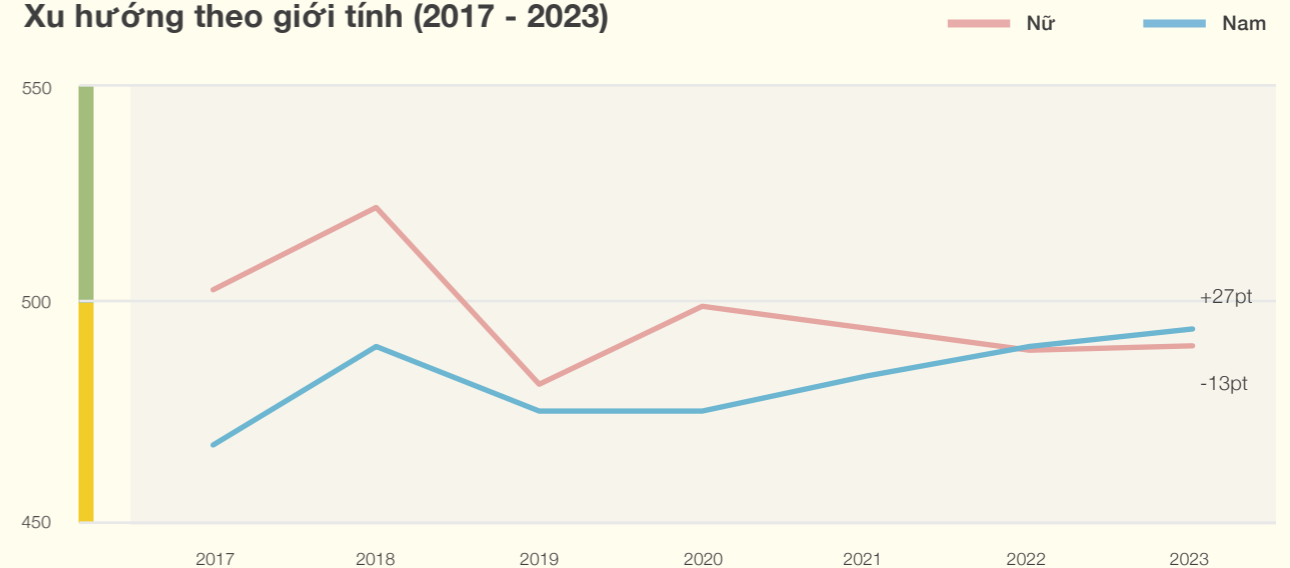


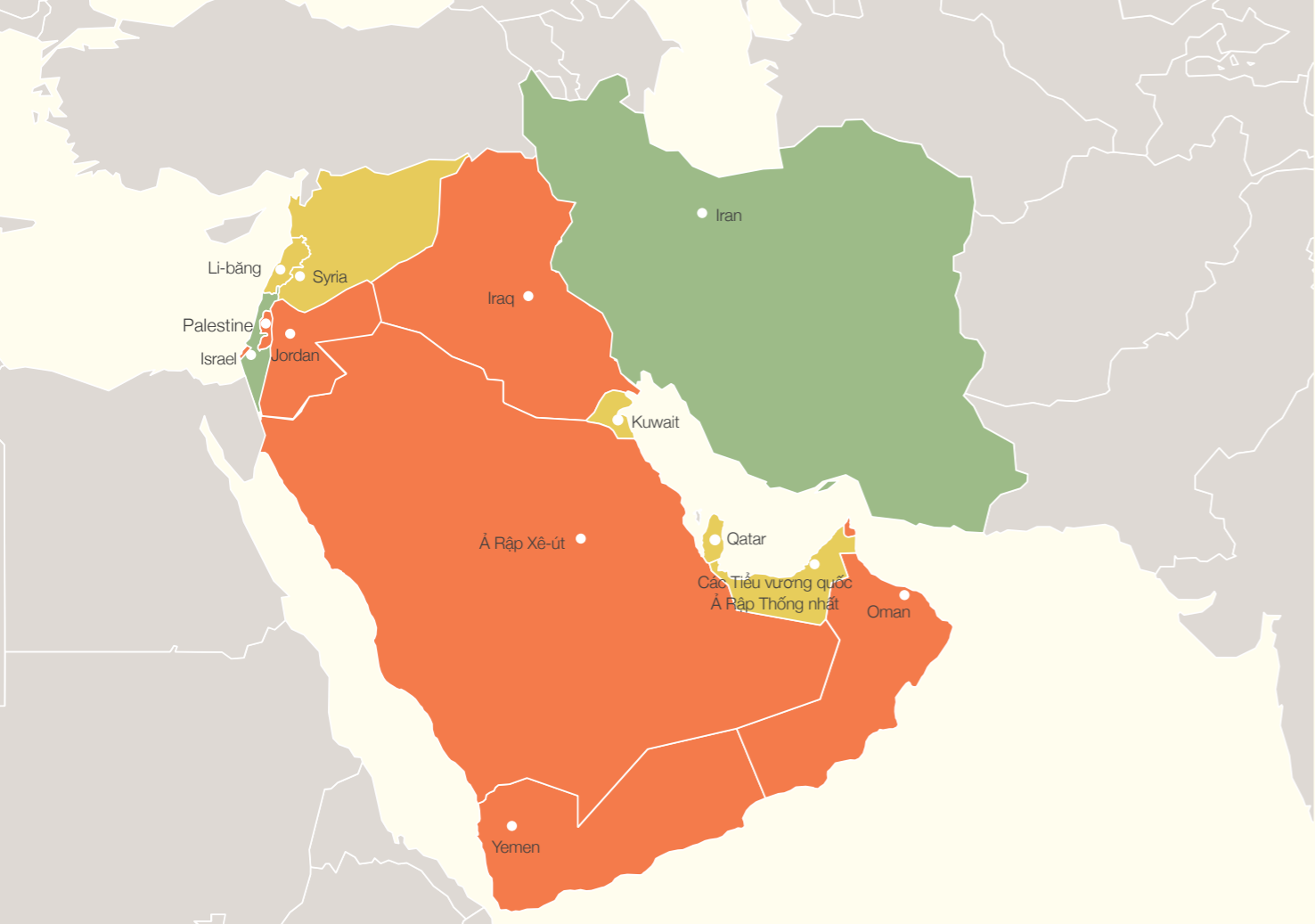
Bảng Xếp Hạng EF EPI

| | | | | | | | | |
|----|----------|-----|-----|-------------|-----|-----|------------------------|-----|
| 9 | Nam Phi | 605 | 78 | Madagascar | 474 | 109 | Rwanda | 405 |
| 19 | Kenya | 584 | 83 | Ai Cập | 463 | 110 | Libya | 392 |
| 27 | Nigeria | 562 | 86 | Malawi | 460 | 113 | Cộng hòa Dân chủ Congo | 385 |
| 34 | Ghana | 537 | 94 | Cameroon | 438 | | | |
| 47 | Uganda | 529 | 94 | Senegal | 438 | | | |
| 63 | Tunisia | 502 | 97 | Sudan | 430 | | | |
| 67 | Tanzania | 491 | 101 | Angola | 416 | | | |
| 69 | Ethiopia | 490 | 101 | Bê-nanh | 416 | | | |
| 76 | Morocco | 478 | 105 | Somalia | 411 | | | |
| 77 | Algeria | 475 | 107 | Bờ Biển Ngà | 409 | | | |

Các mức độ thông thạo: ● Rất Cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất Thấp

Xu hướng theo giới tính (2017 - 2023)





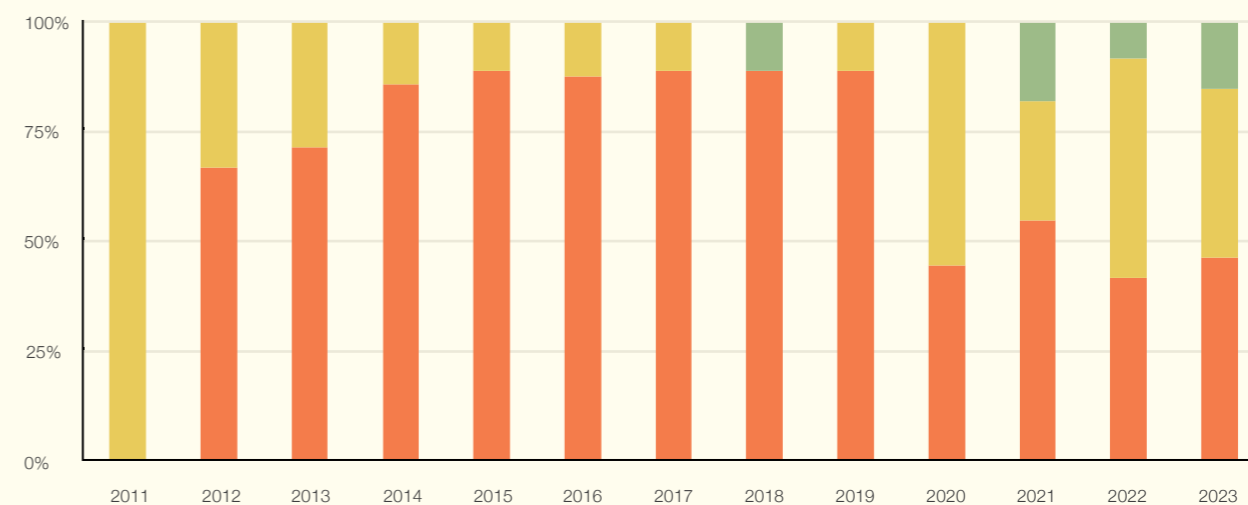
TRUNG ĐÔNG

Bảng Xếp Hạng EF EPI

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|-----|-----|-------------|-----|
| 54 | Israel | 514 | 92 | Palestine | 445 |
| 58 | Iran | 505 | 96 | Jordan | 431 |
| 65 | Li-băng | 496 | 100 | Oman | 418 |
| 71 | Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất | 486 | 106 | Iraq | 410 |
| 73 | Qatar | 482 | 108 | Ả Rập Xê-út | 408 |
| 80 | Syria | 467 | 110 | Yemen | 392 |
| 85 | Kuwait | 461 | | | |

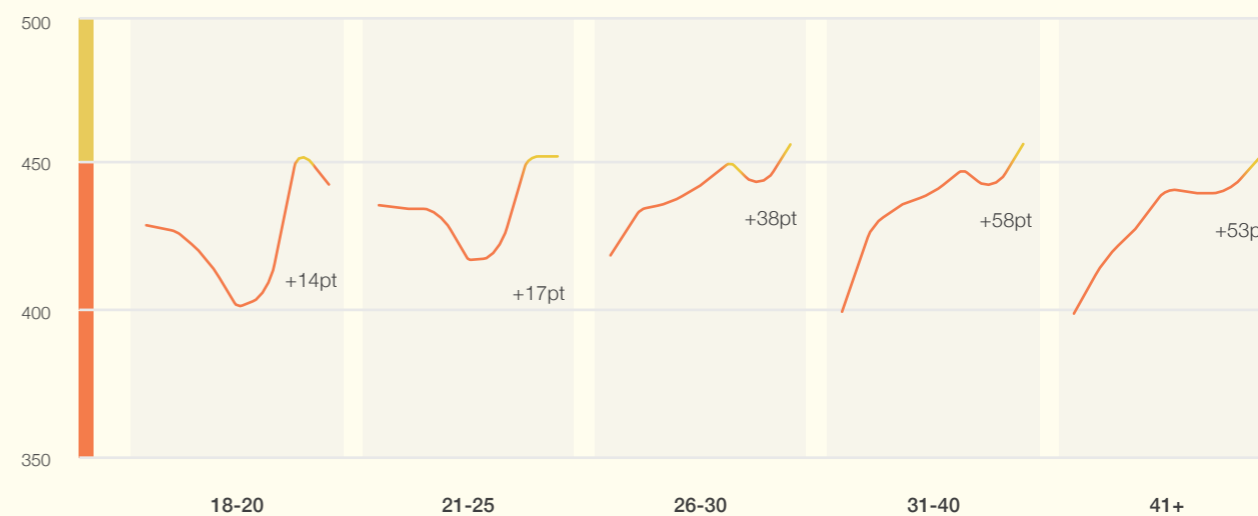
Các mức độ thông thạo: ● Rất Cao ● Cao ● Trung bình ● Thấp ● Rất Thấp

Sự phân bố trình độ (2011 - 2023)

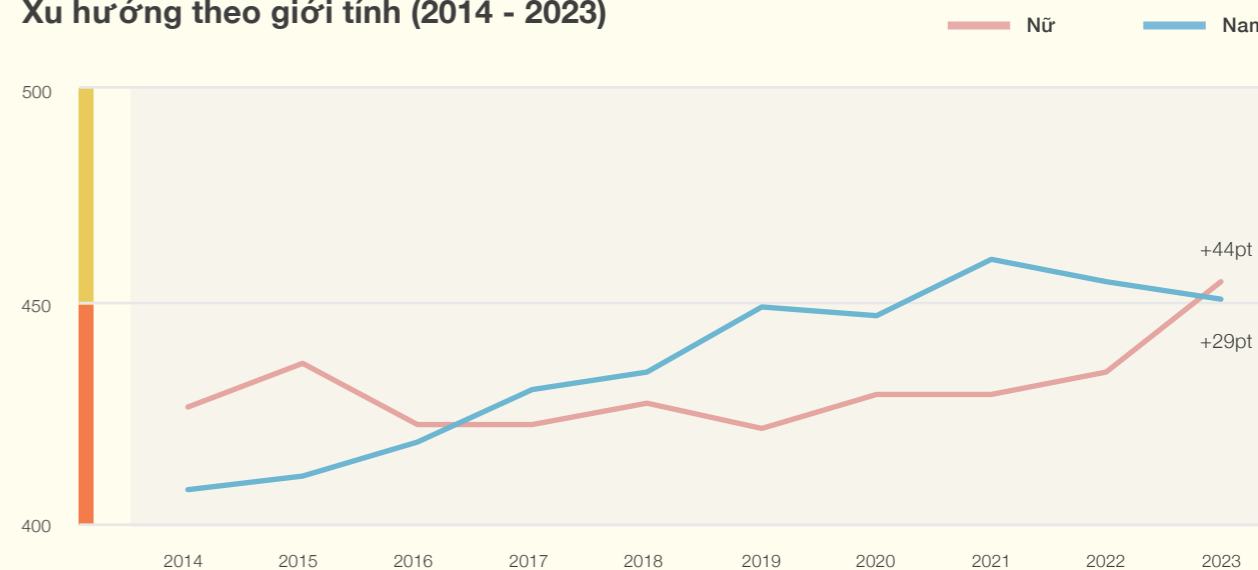


Tỷ lệ phần trăm các quốc gia Trung Đông ở từng mức độ thông thạo theo thời gian

Xu hướng theo tuổi (2017 - 2023)

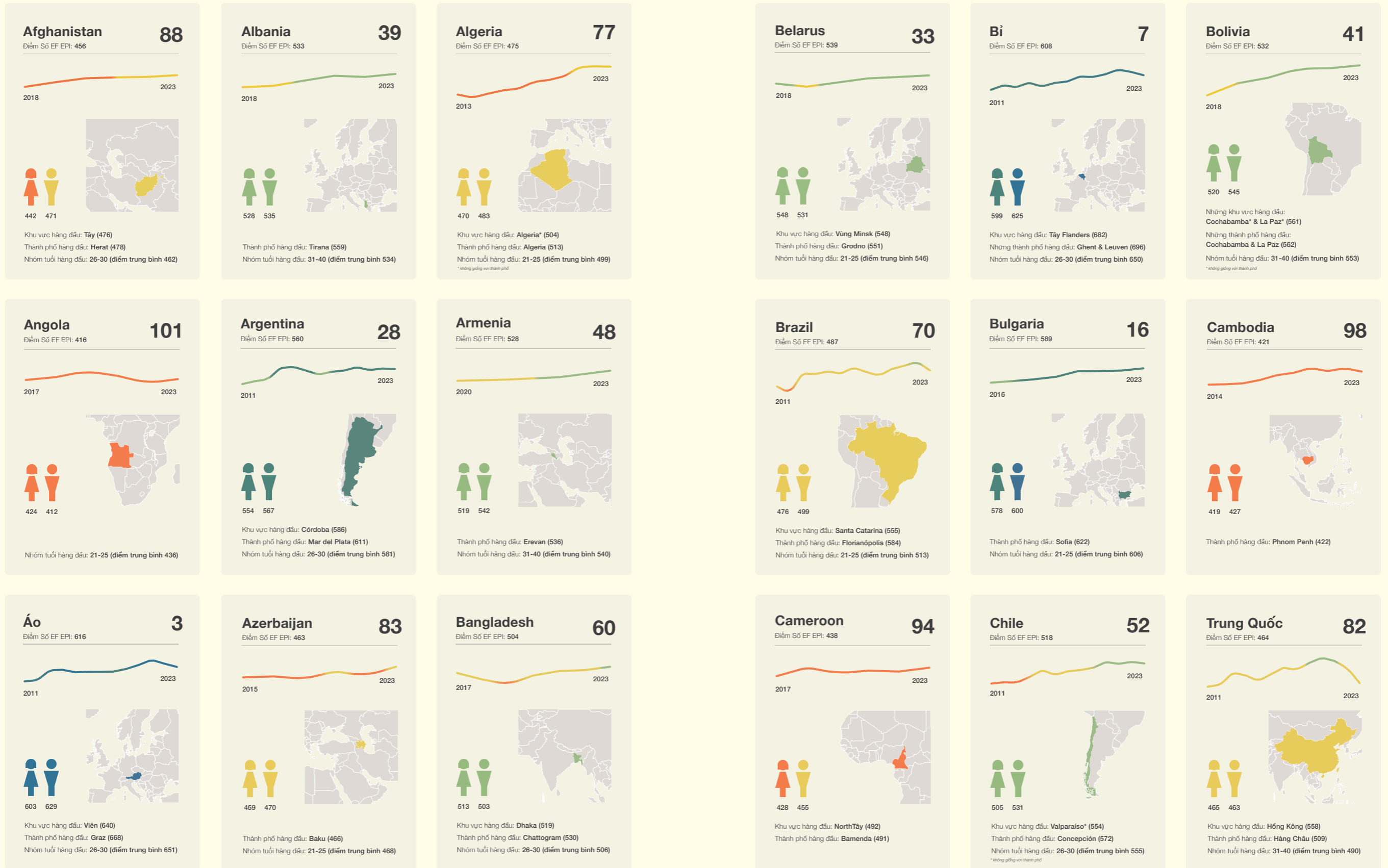


Xu hướng theo giới tính (2014 - 2023)



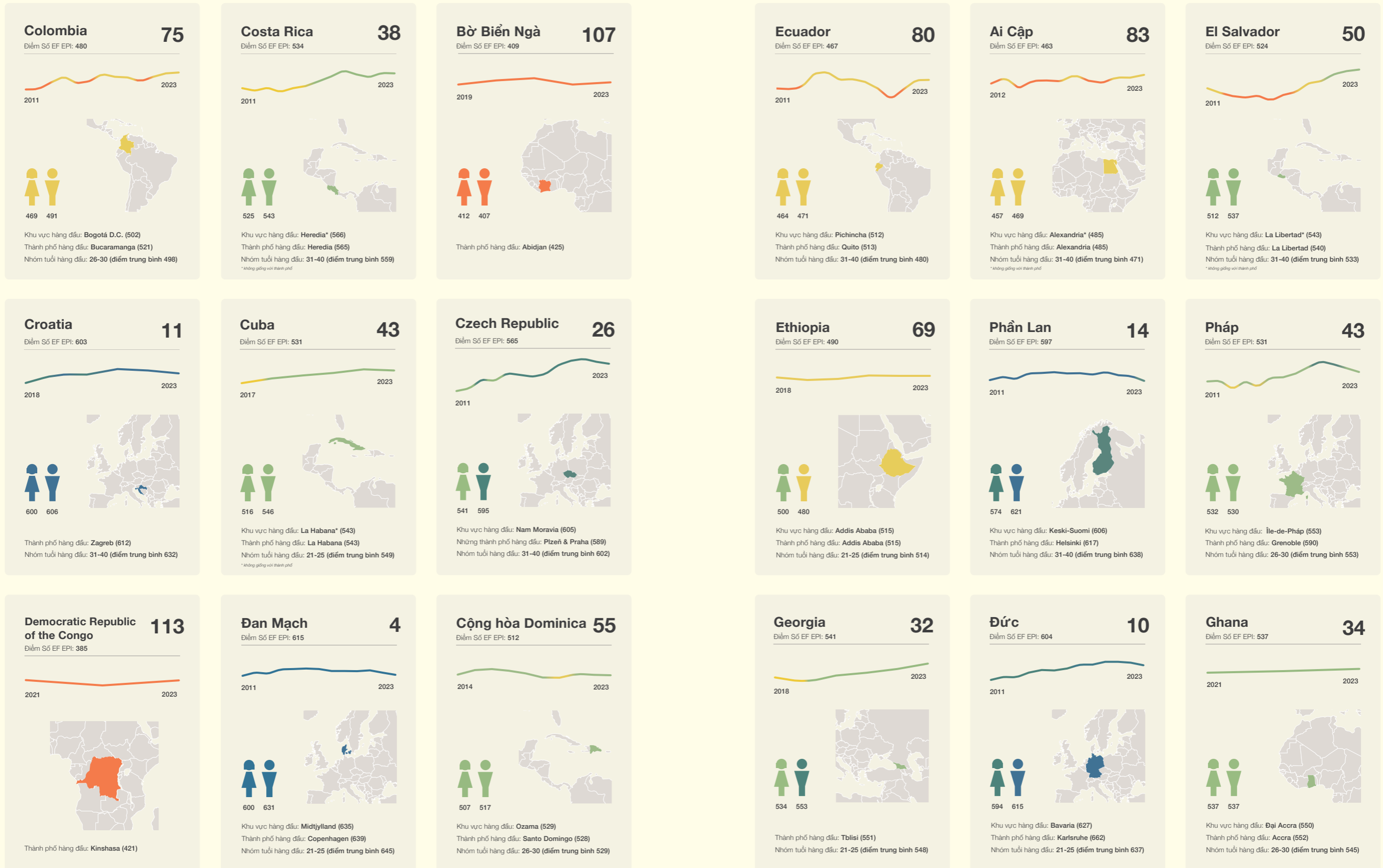
Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



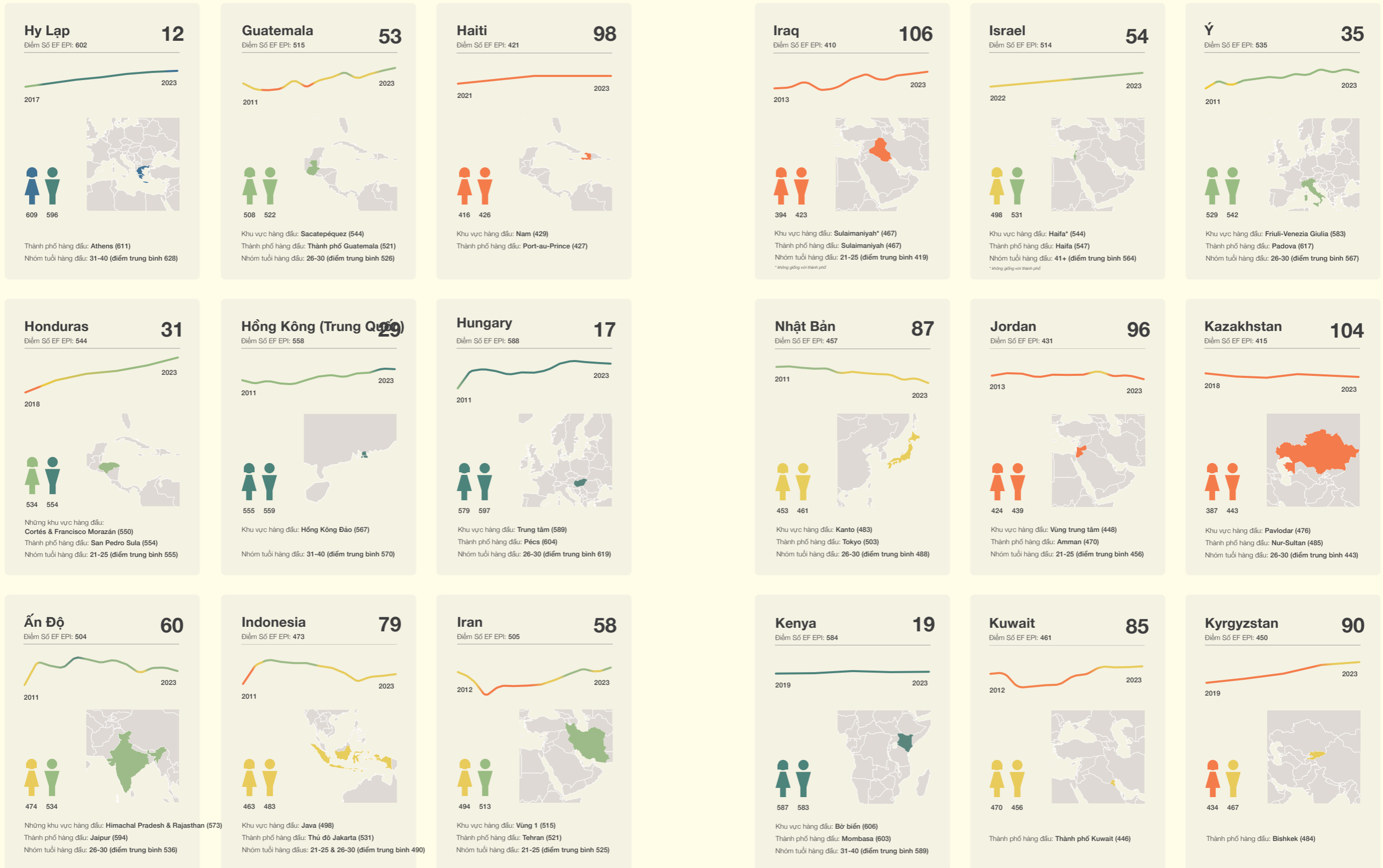
Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



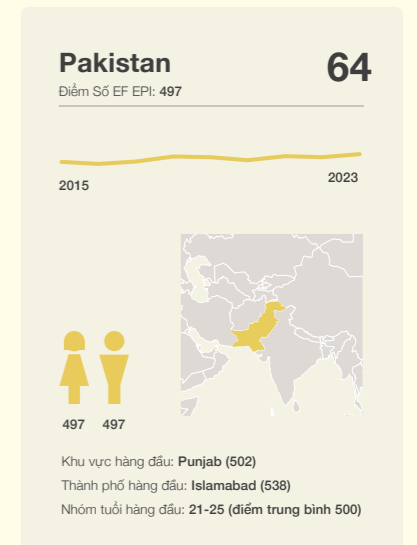
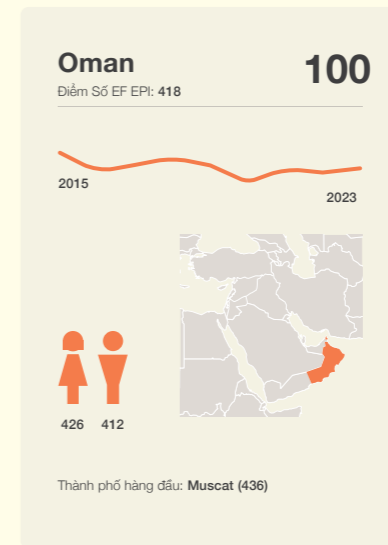
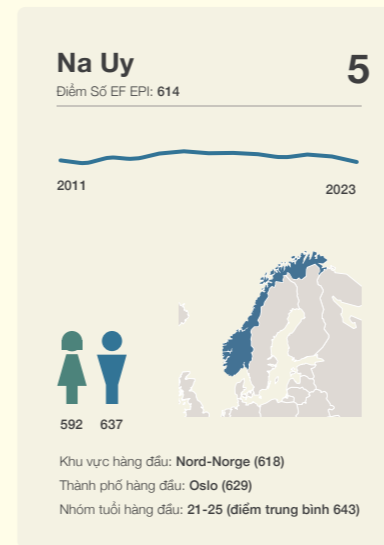
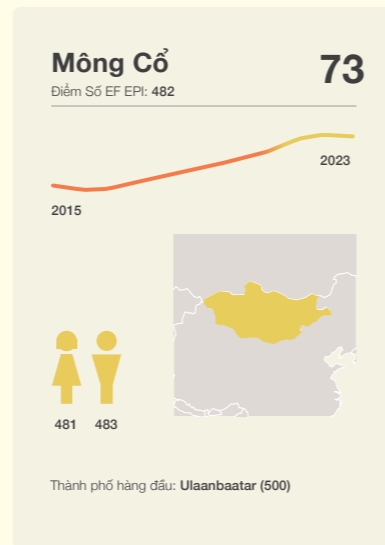
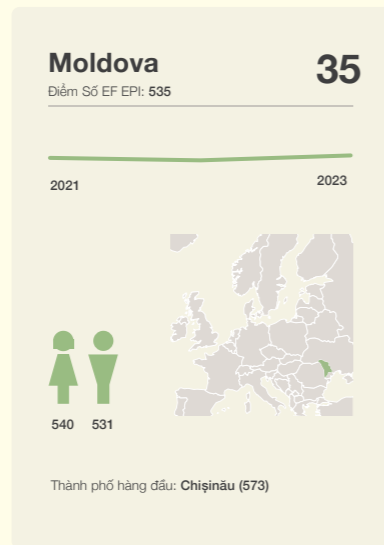
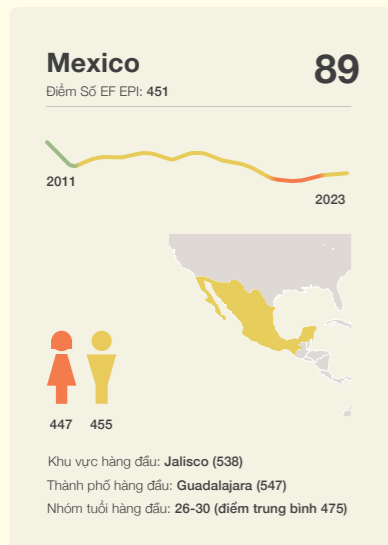
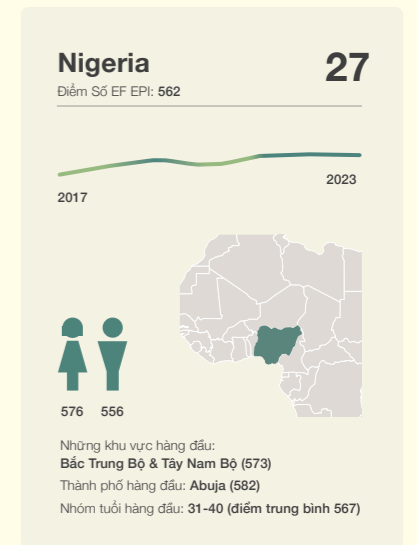
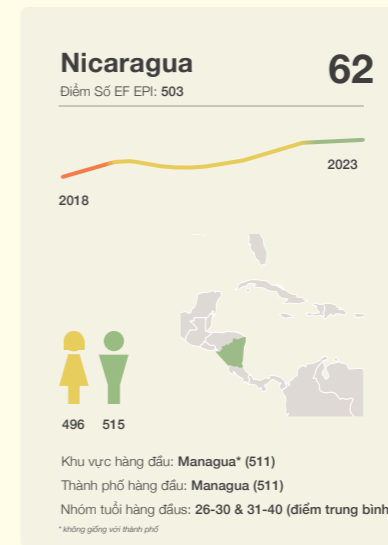
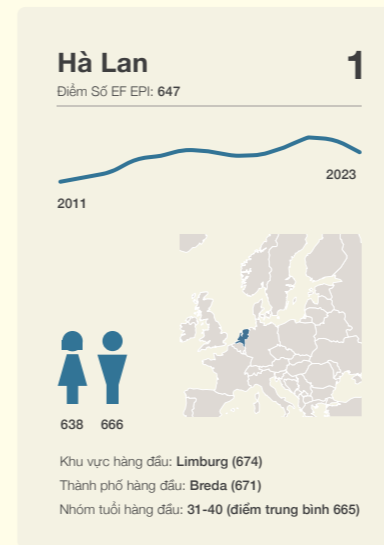
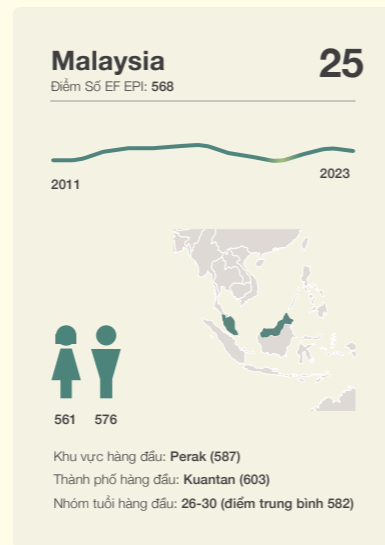
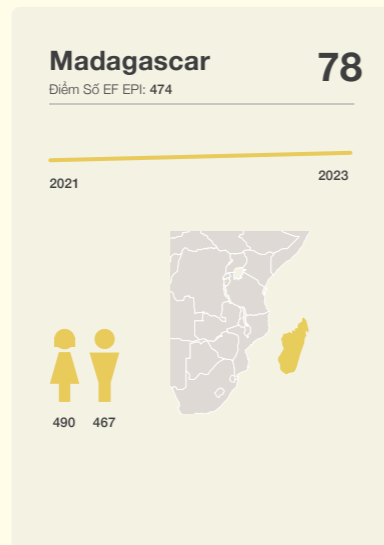
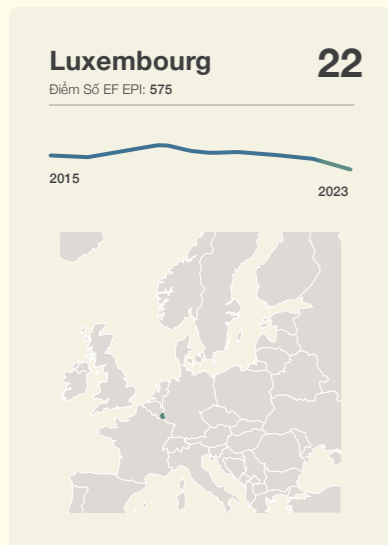
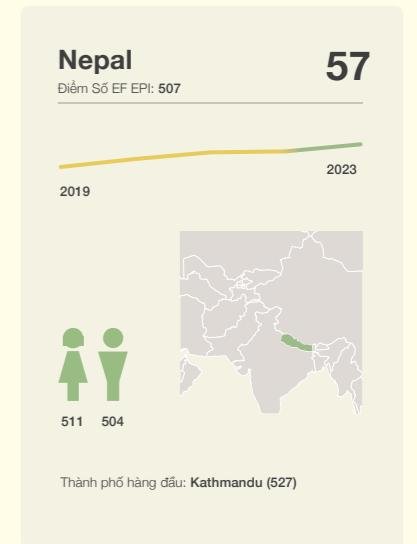
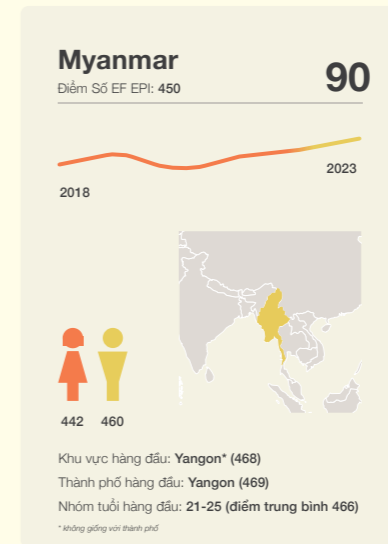
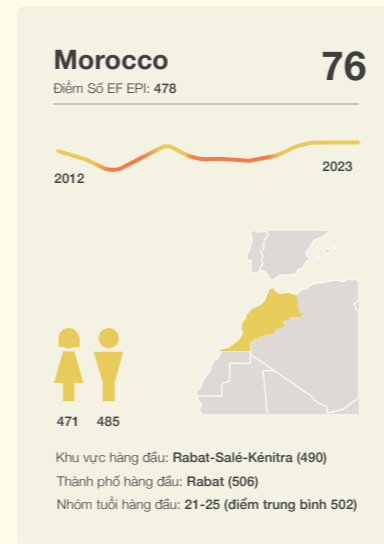
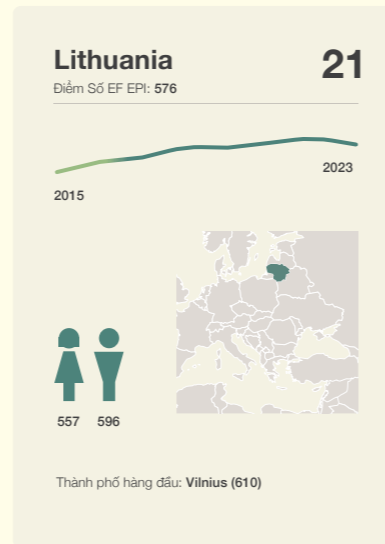
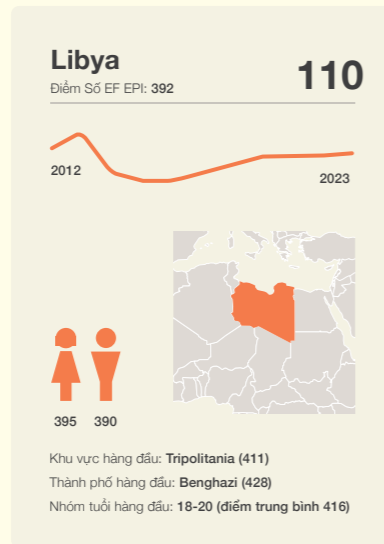
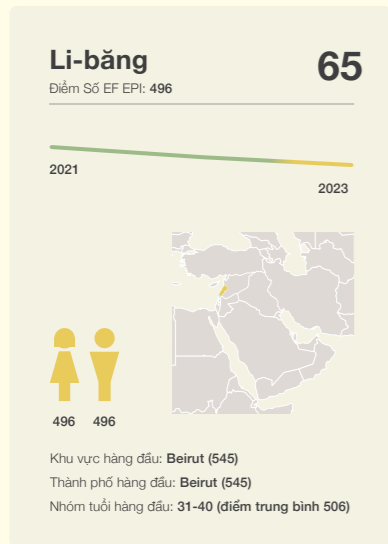
Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



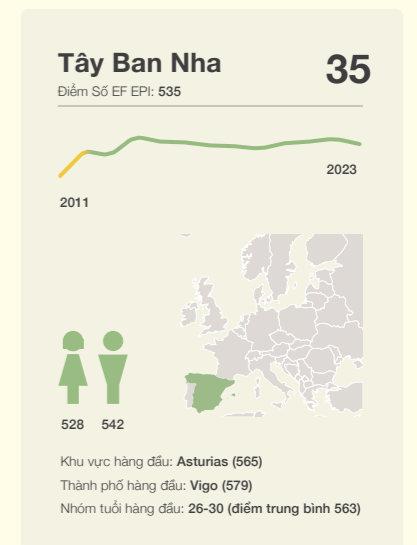
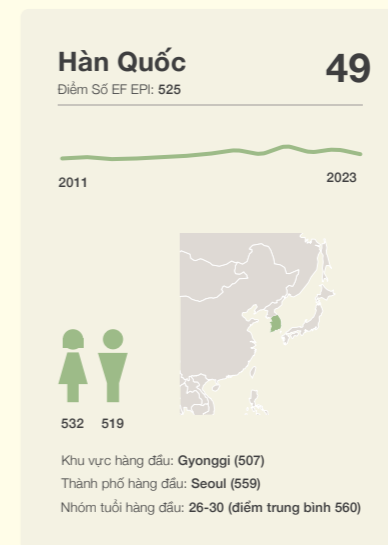
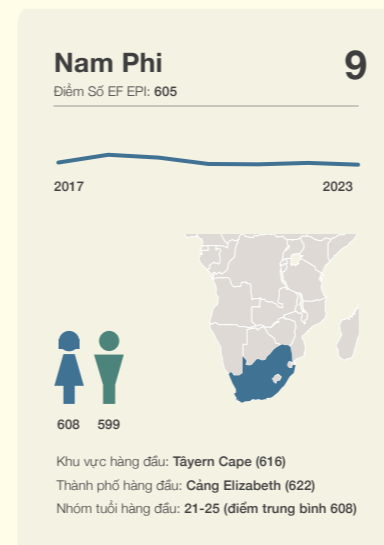
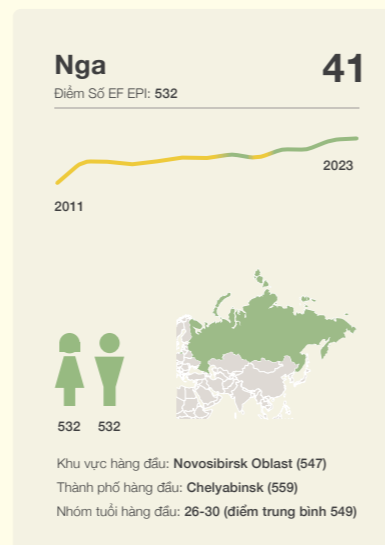
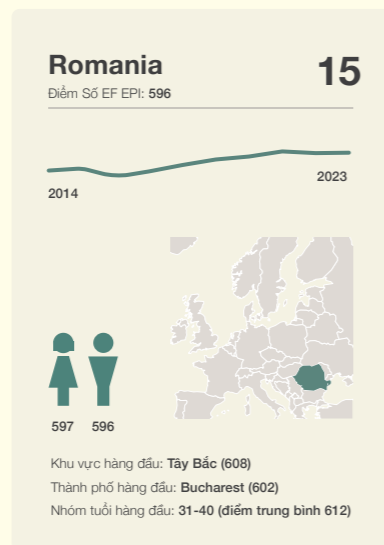
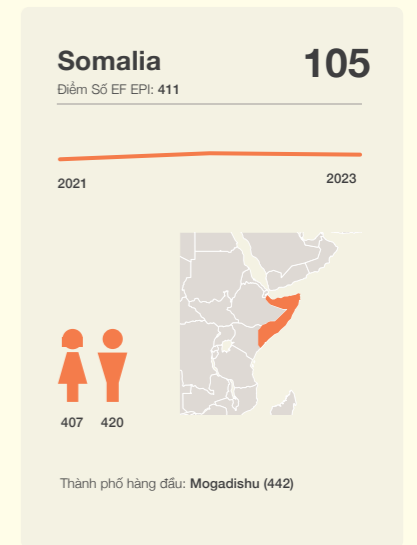
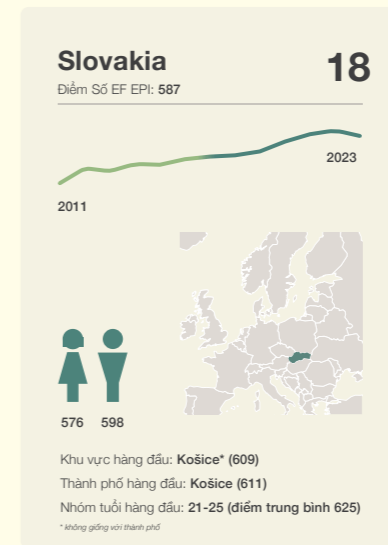
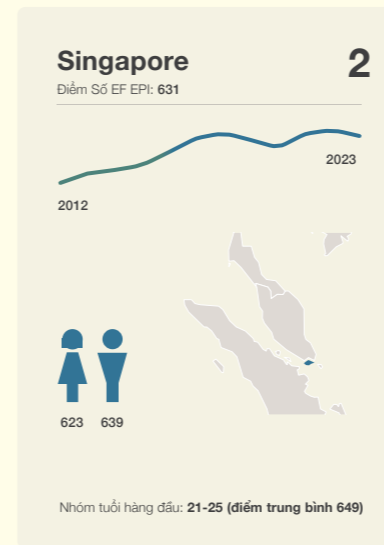
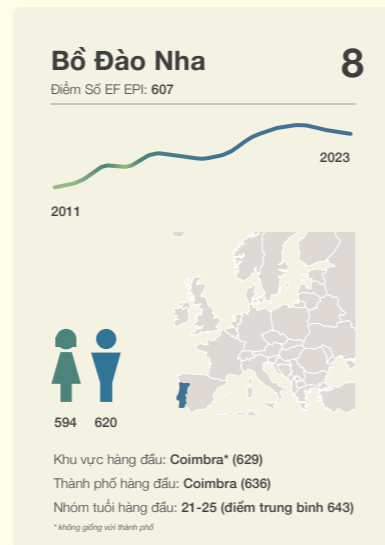
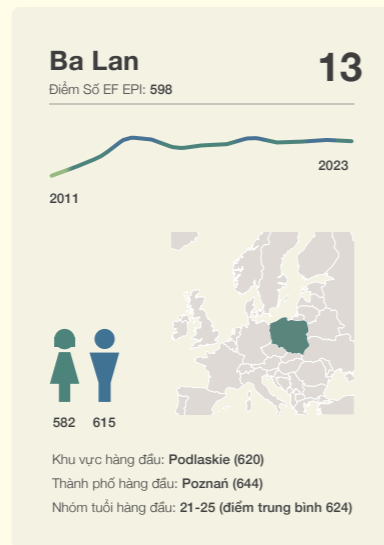
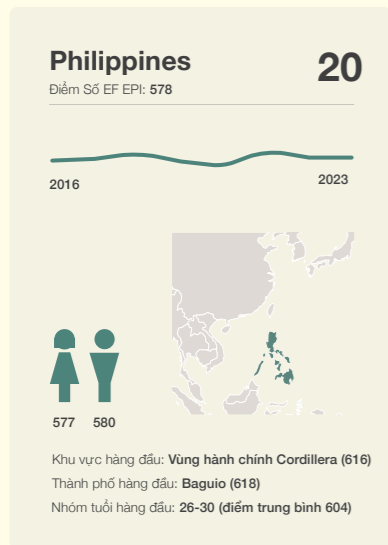
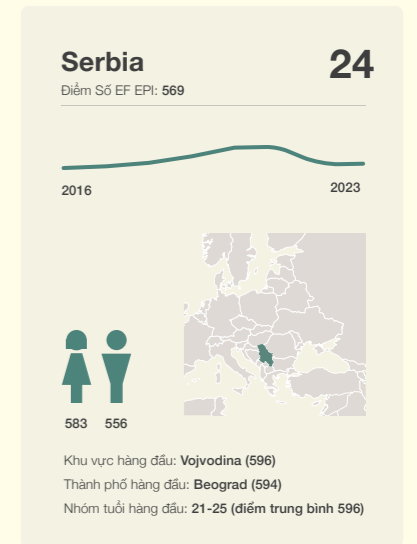
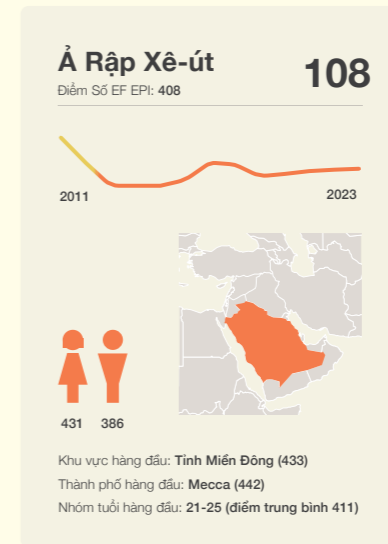
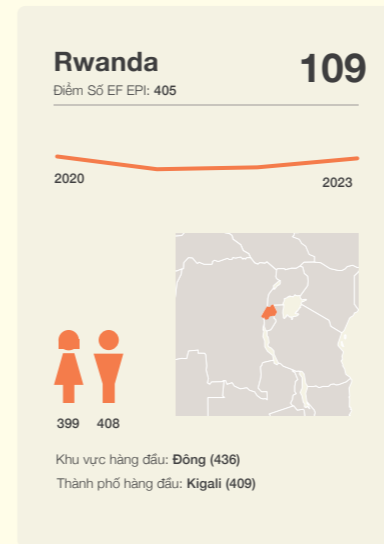
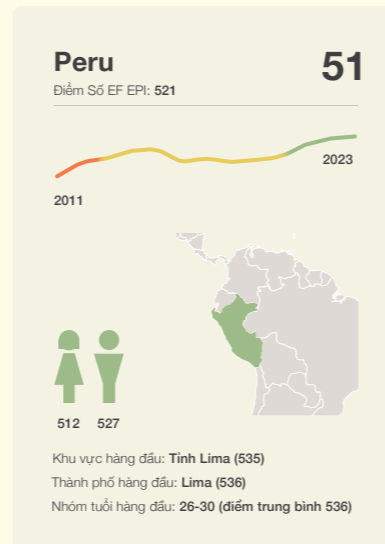
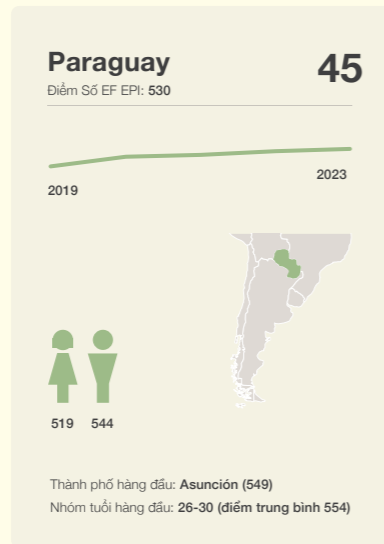
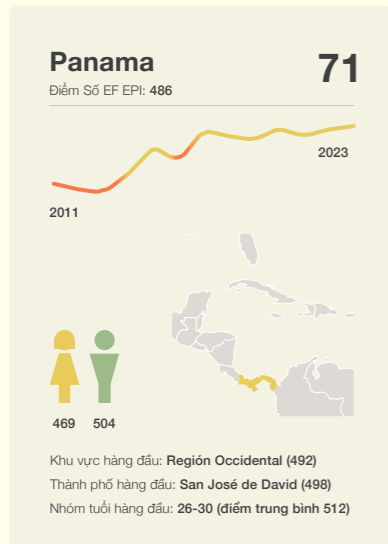
Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



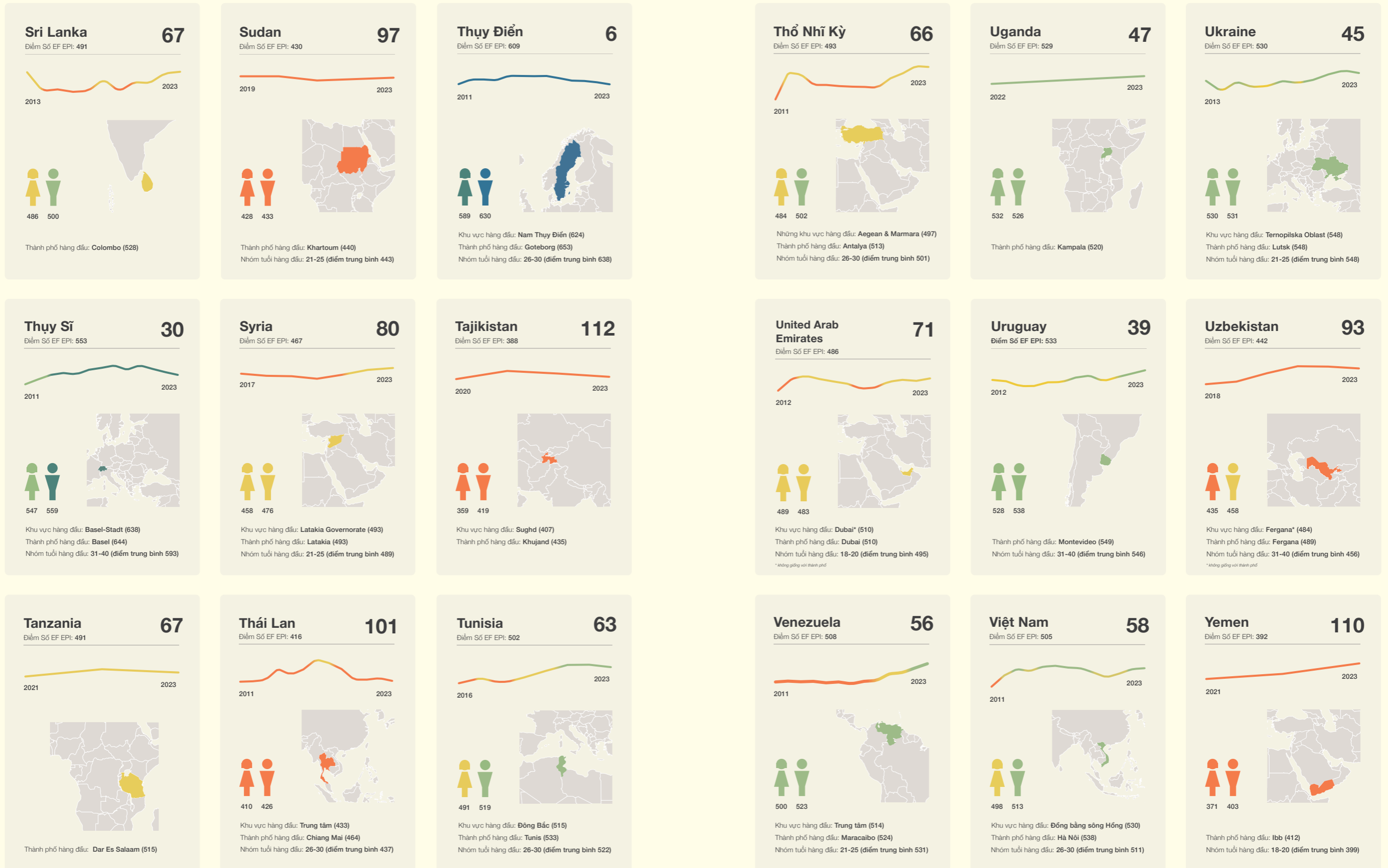
Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



Chi tiết về trình độ

Để đọc đầy đủ thông tin, vui lòng truy cập: www.ef.com/epi



Kết luận

Sau một thập kỷ với nhu cầu học tập gia tăng và sự đầu tư vào Tiếng Anh chưa từng có, trình độ Tiếng Anh trên toàn thế giới vẫn không thay đổi - đây là một lời nhắc nhở về cả thách thức trong việc tiếp thu ngôn ngữ lẫn tiềm năng tiến bộ lâu dài. Tuy nhiên nhận định này vẫn tiềm ẩn những sự khác biệt ở cấp độ khu vực và quốc gia, cũng như những lợi ích và hạn chế ở các nhóm tuổi và giới tính cụ thể. Trong phạm vi mà những thay đổi này là kết quả của chính sách giáo dục, dữ liệu của chúng tôi có thể giúp xác thực hoặc cung cấp thêm thông tin cho những kết luận đó.

Dạy Tiếng Anh cho những người có nhu cầu ngay bây giờ...

Trái với suy nghĩ của nhiều người, người lớn có thể học ngôn ngữ ở trình độ cao; tuy nhiên, thời lượng đào tạo và thực hành cần thiết thường bị đánh giá thấp. Trong một môi trường học tập tối ưu, một người trưởng thành cần có khoảng 150 giờ đào tạo và thực hành để tăng được một cấp độ của khung tham chiếu CEFR. Điều đó có nghĩa là một người mới bắt đầu học hai giờ Tiếng Anh mỗi tuần sẽ cần ba năm để đạt được trình độ B1. Các chương trình đào tạo ngôn ngữ dành cho người lớn hiếm khi kéo dài lâu như vậy. Việc tiếp cận chương trình đào tạo dành cho người lớn với những kỳ vọng thực tế sẽ giúp các tổ chức và cá nhân điều chỉnh việc đầu tư phù hợp sát với mục tiêu.

Đào tạo Tiếng Anh dành cho người lớn có thể có nhiều hình thức, nhưng các giải pháp quy mô lớn hiệu quả nhất mang lại cho người học trải nghiệm dựa trên giao tiếp theo nhu cầu với mức giá hợp lý bằng cách

kết hợp giữa việc tự học và sự hướng dẫn của giáo viên. AI có tiềm năng phát triển cho những nền tảng như vậy. Học viên có thể học tập tương tác cùng nhau trên các tài liệu chuẩn và AI giúp họ sửa lỗi sai, các lỗi này có thể được giải thích lại nhiều lần theo nhiều cách khác nhau mà không gây cảm giác khó hiểu hay nhàm chán. Khi thật sự tương tác với trí tuệ nhân tạo, bạn có thể cảm thấy hệt như một cuộc trò chuyện trong đời thực, mọi người xung quanh đều thân thiện và sẵn sàng giúp đỡ mà không nơi nào có được. Người quản lý khóa học AI có thể gợi ý cho học viên điều chỉnh bài tập đúng cấp độ để giúp họ đạt kết quả tối ưu và phát hiện ra những học viên đang mất động lực học tập.

Tuy nhiên, nghiên cứu về kết quả giáo dục chỉ ra rằng mối quan hệ giữa học sinh và giáo viên là một trong những thước đo dự đoán kết quả tốt nhất. Các tổ chức mà coi trọng phát triển đào tạo ngôn ngữ thông qua việc tạo động lực học tập sẽ thu được nhiều lợi ích. Đối với những người tự học Tiếng Anh, nền tảng học tập phải tạo ra động lực học tập cho họ. Hầu hết mọi người cần cảm thấy rằng có người quan tâm đến thành quả của họ thì họ mới cố gắng để thành công, đó là lý do tại sao sự xuất hiện của cá khóa học từ xa không mang lại tiến bộ vượt bậc cho tất cả chúng ta. Tài liệu sẵn có trên các nền tảng là chưa đủ.

...và cho những người sẽ cần nó sau này

Việc giảng dạy tốt môn Tiếng Anh trong trường phổ thông và đại học là cách hiệu quả nhất để xây dựng trình độ Tiếng Anh cho người trưởng thành theo thời gian. Những cải cách chương trình đào tạo đều cần bắt

đầu từ việc đào tạo đội ngũ Giáo viên. Giáo viên, giống như những người trưởng thành khác, có thể học Tiếng Anh ở trình độ cao, nhưng họ cần thời gian, động lực, đào tạo và thực hành. Các giải pháp học ngôn ngữ tương tự sử dụng trong các doanh nghiệp có thể được giáo viên sử dụng để củng cố kỹ năng Tiếng Anh của họ, nhưng đều cần lưu ý: các tín hiệu xã hội về tầm quan trọng của dự án đào tạo chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.

Các giáo viên có thể không hợp thành một nhóm tập thể như nhân viên văn phòng. Các dự án phát triển chuyên môn thành công đều đặc biệt chú ý đến việc tạo ra những nhóm người học có mối liên hệ chặt chẽ, những người có thể củng cố động lực cho nhau.

Bên cạnh các kỹ năng Tiếng Anh, những giáo viên chưa được đào tạo về phương pháp giao tiếp cần được phát triển chuyên môn và được cố vấn trong lĩnh vực đó. Khi lớp học ngoại ngữ có sĩ số đông, học viên hiếm khi có đủ thời gian để thực hành nói Tiếng Anh. Việc giải quyết thách thức này cần được quan tâm đặc biệt. Đối với những giáo viên đã giảng dạy nhiều năm, việc bắt đầu sử dụng các phương pháp giảng dạy khác, có thể cần thêm khuyến khích để thay đổi thói quen của mình.

Trong các lớp học Tiếng Anh ở trường phổ thông và đại học, công nghệ tất nhiên cũng đóng vai trò không nhỏ. Một trong những khả năng thú vị nhất là hướng dẫn học sinh sử dụng phương tiện truyền thông bằng Tiếng Anh và tham gia vào các không gian mạng xã hội để cải thiện kỹ năng của họ

một cách chủ động. Nhiều giáo viên Tiếng Anh đã sử dụng phương tiện truyền thông trong lớp với mục đích mang lại trải nghiệm hiện đại cho bài học. Việc giúp học sinh nắm vững các công cụ để biến trải nghiệm giải trí của họ thành trải nghiệm mang tính giáo dục sẽ là một sự thay đổi mạnh mẽ về quan điểm, khi mà số lượng lớn người trẻ tương tác với các phương tiện truyền thông bằng Tiếng Anh mỗi ngày. Theo cách tương tự, AI có thể được sử dụng như một huấn luyện viên ngôn ngữ cá nhân và biên tập viên nếu học sinh được dạy cách sử dụng nó cho những mục đích như vậy.

Ảnh hưởng của các bài kiểm tra

Ở nhiều quốc gia, kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học giúp gia tăng tập trung vào thời gian học tập trên lớp để đạt mục tiêu mong muốn của hệ thống giáo dục. Nếu một trong những mục tiêu đó là dạy cho giới trẻ cách giao tiếp bằng Tiếng Anh thì các kỳ thi quan trọng phải kiểm tra những kỹ năng đó. Phần lớn những bài đánh giá hiện tại chủ yếu kiểm tra dịch thuật, từ vựng hoặc ngữ pháp, nên chắc chắn sẽ buộc giáo viên phải sử dụng phần lớn thời gian trên lớp cho những chủ đề này. Những bài kiểm tra đánh giá mà bỏ qua hoàn toàn kiểm tra kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh sẽ vô tình tạo ra thông điệp về tầm quan trọng của các kỹ năng khác.

Đối với những sinh viên muốn học tại một trường đại học giảng dạy bằng Tiếng Anh, việc đạt được số điểm yêu cầu trong bài kiểm tra Tiếng Anh tiêu chuẩn như TOEFL là nguyên nhân chính gây căng thẳng và tốn kém. Ngoài lệ phí thi, học sinh có thể phải di chuyển đến trung tâm khảo thí, đôi

khí ở một quốc gia khác, đôi khi phải có phụ huynh đi cùng. Mặc dù các bài kiểm tra Tiếng Anh này rất hữu ích cho việc tuyển sinh, tự động sàng lọc số lượng lớn ứng viên quốc tế tiềm năng, nhưng các trường có thể cần xem xét lại việc gây ra rào cản và làm các ứng viên chùn bước. Vì lý do tương tự, nhiều trường đại học đang loại bỏ các bài kiểm tra tiêu chuẩn quốc gia như SAT. Những bài kiểm tra này cực kỳ tốn kém và giống như tất cả các bài kiểm tra chuẩn hóa khác, không thể hy vọng đo lường đánh giá được những khác biệt trong hồ sơ học sinh.

Tận dụng sự đa dạng ngôn ngữ

Để phát huy hết tiềm năng của mình, tất cả trẻ em cần học đọc và viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ (ngôn ngữ đầu tiên). Khi Tiếng Anh là phương tiện giảng dạy phổ biến nhưng hiếm khi được sử dụng ở nhà, cần phải có cách tiếp cận cẩn thận khi giới thiệu nó, với mục đích phát triển hoàn toàn khả năng đa ngôn ngữ của trẻ thay vì hạ thấp giá trị ngôn ngữ đầu tiên khi so sánh với Tiếng Anh. Điều tương tự cũng áp dụng cho bất kỳ tình huống nào mà trẻ em nói một ngôn ngữ ở nhà khác với ngôn ngữ được sử dụng ở trường. Kết quả giáo dục sẽ tốt hơn khi trẻ nhỏ học đọc và viết bằng tiếng mẹ đẻ, và lực lượng lao động đa ngôn ngữ biết đọc biết viết nhiều loại ngôn ngữ sẽ linh hoạt hơn so với lực lượng lao động đơn ngữ.

Mặc dù Tiếng Anh có mối quan hệ lịch sử với một số quốc gia nhưng đại đa số người nói Tiếng Anh ngày nay không đến từ những nơi đó. Không có cơ quan quốc tế nào đặt ra các tiêu chuẩn cho Tiếng Anh, và thực sự đó là bản chất của một ngôn ngữ chung toàn cầu - bởi vì nó không thuộc về ai cả, nó có thể thuộc về tất cả mọi người. Tuy nhiên, giống như các ngôn ngữ khác như Tiếng Pháp và Tiếng Nga, Tiếng Anh đôi khi cũng bị cuốn vào vấn đề chính trị, từ chủ nghĩa bảo hộ ngôn ngữ tự phát đến các chương trình nghị sự mang tính dân tộc rộng lớn. Điều này thật đáng tiếc.

Đối với cá nhân, lợi ích của việc nói Tiếng Anh là rất lớn. Tại sao phụ huynh lại đầu tư nhiều như vậy vào các trường mầm non song ngữ và các chương trình Tiếng Anh ngoài giờ, chương trình du học hè và gia sư Tiếng Anh riêng? Và tại sao các khóa học Tiếng Anh lại là lựa chọn hàng đầu ở các quốc gia có chương trình giáo dục công lập dành cho người trưởng thành?

Tiếng Anh mở ra nhiều cánh cửa cơ hội. Mọi người đều xứng đáng có cơ hội công bằng để học nó.

Khuyến nghị

Hầu hết các tổ chức và cá nhân đều bị thuyết phục về những lợi thế của việc thông thạo tiếng Anh. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết cách để đạt được điều đó. Dưới đây là các đề xuất của chúng tôi:

Dành cho các công ty

- Đặt ra các mục tiêu thực tế có tính đến số giờ cần thiết để thu hẹp khoảng cách giữa mức độ thông thạo hiện tại và mục tiêu cho mỗi cá nhân
- Xây dựng văn hóa chủ nghĩa quốc tế và linh hoạt, kể cả trong các văn phòng chi nhánh
- Sử dụng các nền tảng tạo điều kiện liên hệ thường xuyên giữa các đội nhóm ở các quốc gia khác nhau
- Kiểm tra toàn bộ lực lượng lao động của bạn để xác định điểm yếu chiến lược trong tiếng Anh
- Đào tạo nhân viên sử dụng chương trình giảng dạy tiếng Anh theo vai trò cụ thể
- Tận dụng công nghệ để mang lại khả năng học tập linh hoạt ở quy mô lớn
- Đặt tiêu chuẩn tối thiểu về mức độ thông thạo tiếng Anh cho các vai trò khác nhau và kiểm tra xem các tiêu chuẩn đó có được đáp ứng không
- Thuê người nói tiếng Anh thông thạo
- Khen thưởng những nhân viên đầu tư thời gian vào việc cải thiện tiếng Anh của họ
- Khuyến khích các giám đốc điều hành và quản lý làm gương, chia sẻ kinh nghiệm của họ với tư cách là người học tiếng Anh
- Ưu tiên cho mọi nhân viên cơ hội để tiếp cận và học tiếng Anh

Dành cho chính phủ và cơ quan giáo dục

- Xem xét số giờ hiện có trong chương trình giảng dạy và mức độ thông thạo mục tiêu cho mỗi giai đoạn
- Sử dụng đánh giá quy mô lớn cho cả giáo viên và học sinh để đặt điểm chuẩn, sau đó theo dõi sự tiến bộ theo thời gian.
- Điều chỉnh bài kiểm tra đầu vào và ra để họ đánh giá các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp
- Đưa tiếng Anh trong chế độ đào tạo cho tất cả giáo viên mới
- Đào tạo lại giáo viên tiếng Anh về phương pháp giảng dạy giao tiếp nếu ban đầu họ được đào tạo bằng các phương pháp khác
- Đảm bảo người giảng dạy tiếng Anh có trình độ ngôn ngữ đủ tốt để truyền đạt kiến thức
- Đặt ra tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn người giảng dạy tiếng Anh, thường xuyên kiểm tra khả năng giảng dạy và đào tạo những người chưa đạt tiêu chuẩn để ra
- Dạy trẻ đọc và viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ trước

- Đánh giá kỹ năng tiếng Anh của tất cả công chức và có giải pháp bồi dưỡng nếu cần thiết, không chỉ cho công việc hiện tại mà còn cho sự nghiệp của họ
- Cung cấp hướng dẫn tiếng Anh tại các trung tâm việc làm và các chương trình giảm thiểu thất nghiệp
- Cho người trưởng thành tiếp cận các chương trình học tập suốt đời, bao gồm đào tạo tiếng Anh.
- Đảm bảo rằng các khóa học ngôn ngữ dành cho người trưởng thành do chính phủ tài trợ đủ thời gian và đủ chuyên sâu để người học đạt được mục tiêu của mình
- Phát triển các chứng chỉ vi mô chuẩn hóa chứng nhận chất lượng khóa học và cải thiện tính linh động của kỹ năng
- Cho phép TV và phim được chiếu bằng ngôn ngữ gốc, có phụ đề thay vì lồng tiếng

Dành cho giáo viên, các trường phổ thông và đại học

- Dạy tiếng Anh bằng phương pháp dựa trên giao tiếp.
- Khen thưởng những giao tiếp thành công hơn là tập trung vào những sai lầm.
- Kết nối học sinh bên ngoài lớp học bằng các phương tiện truyền thông và khuyến khích họ chia sẻ các mục yêu thích của mình.
- Cung cấp cho sinh viên cơ hội thường xuyên để nói tiếng Anh thông qua các hoạt động như câu lạc bộ tiếng Anh, ngày chủ đề, ghép lớp học, các chuyến đi thực nghiệm trường học và mời diễn giả
- Cung cấp một diễn đàn để giáo viên chia sẻ các phương pháp thực hành tốt nhất và nhận lời khuyên về việc dạy tiếng Anh hiệu quả
- Cung cấp cho giáo viên các môn học cách dễ dàng để cải thiện tiếng Anh của họ và thời gian để làm điều đó.
- Đưa các yêu cầu tiếng Anh vào tất cả các chuyên ngành đại học
- Cho phép các lớp học theo chủ đề được dạy bằng tiếng Anh nếu cả sinh viên và giáo sư đều đạt trình độ tiếng Anh cần thiết
- Tạo một chương trình tiếng Anh phụ đạo giúp đỡ những người có khả năng kém hơn.

Dành cho cá nhân

- Lên kế hoạch lâu dài: lên kế hoạch cho hàng trăm giờ học để chuyển từ một mức độ thông thạo sang mức độ tiếp theo
- Nhận thức được năng lực ngày càng tăng ở các giai đoạn khác nhau và kỷ niệm thành công của bạn
- Học tiếng Anh mỗi ngày, dù chỉ trong vài phút
- Học theo từng buổi với thời lượng tối đa 1 giờ và nghỉ ngơi khi bạn cảm thấy mình kém tập trung.
- Đặt mục tiêu cụ thể, có thể đạt được và ghi ra
- Ghi nhớ từ vựng liên quan đến công việc hoặc lĩnh vực học tập của bạn và bắt đầu sử dụng nó ngay lập tức
- Luyện nói, ngay cả khi chỉ là đọc to một cuốn sách
- Xem các nội dung bạn yêu thích bằng tiếng Anh trong lúc nghỉ ngơi
- Xem TV, đọc hoặc nghe radio bằng tiếng Anh
- Khi đi du lịch đến một đất nước nói tiếng Anh, hãy nói càng nhiều càng tốt
- Hãy cân nhắc các lựa chọn học trực tuyến để thực hành trò chuyện thường xuyên và tiếp cận với giáo viên.

Giới thiệu về Chỉ số

Phương pháp nghiên cứu

Ấn bản EF EPI này dựa trên dữ liệu kiểm tra từ hơn 2.200.000 người tham gia trên khắp thế giới đã thực hiện Bài kiểm tra Tiếng Anh tiêu chuẩn EF (EF SET)

Bài kiểm tra anh ngữ tiêu chuẩn EF (EF SET)

EF SET là bài kiểm tra Tiếng Anh trực tuyến có tính thích ứng về các kỹ năng đọc và nghe. Đây là một bài kiểm tra chuẩn hóa được chấm điểm khách quan và được thiết kế để phân loại khả năng ngôn ngữ của thí sinh theo sáu cấp độ của Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ của Châu Âu (CEFR). EF SET được cung cấp miễn phí cho bất kỳ người dùng Internet nào. Để biết thêm thông tin về việc nghiên cứu và phát triển EF SET, hãy truy cập trang www.efset.org/about/

Điểm số EF EPI 2023 được nhận thấy là có sự tương quan chặt chẽ với điểm TOEFL iBT 2021 ($r = 0.77$) và điểm IELTS Academic Test 2022 ($r = 0.59$). Những mối tương quan này cho thấy mặc dù các bài kiểm tra này có sự khác biệt về thiết kế và hồ sơ thí sinh, chúng đều thể hiện những xu hướng tương tự về trình độ Tiếng Anh của quốc gia.

Người dự thi

Mặc dù các nhóm mẫu tham gia trong báo cáo EF EPI thiên về những người quan tâm đến việc học ngôn ngữ và người trưởng thành trẻ tuổi, nhóm mẫu này được cân bằng giữa các thí sinh nam và nữ, đại diện cho những người trưởng thành học ngôn ngữ từ nhiều lứa tuổi khác nhau.

- Nữ giới chiếm 42% trong tổng số mẫu, 35% là nam giới và những người không cung cấp thông tin về giới là 23%.
- Độ tuổi trung bình của những người tham gia cung cấp thông tin về tuổi là 26, với 88% số người trả lời dưới 35 tuổi và 99% dưới 60 tuổi. 29% số người tham gia không cung cấp năm sinh.
- Độ tuổi trung bình của nam giới tham gia là 26, cao hơn một chút so với độ tuổi trung bình của nữ giới là 25.

Chỉ các thành phố, khu vực và quốc gia có ít nhất 400 người tham gia mới được đưa vào bảng xếp hạng và trong hầu hết các trường hợp số lượng tham gia lớn hơn rất nhiều.

Khuynh hướng chọn mẫu

Đối tượng làm bài kiểm tra được trình bày trong Chỉ số này là những người tự chọn và không đảm bảo mang tính đại diện. Chỉ những người muốn học Tiếng Anh hoặc tò mò về kỹ năng Tiếng Anh của mình mới tham gia một trong những bài kiểm tra này. Điều này có thể làm sai lệch điểm số thấp hơn hoặc cao hơn so với điểm của dân số nói chung.

"EF SET miễn phí và trực tuyến, vì vậy bất kỳ ai có kết nối Internet đều có thể tham gia. Hầu hết các thí sinh dự thi của chúng tôi đều là người trưởng thành đang đi làm hoặc thanh thiếu niên đang hoàn thành việc học. Những người không truy cập được Internet sẽ tự động bị loại trừ. Trang web EF SET hoàn toàn thích ứng với mọi thiết bị và 37% người tham gia hoàn thành bài thi từ thiết bị di động.

Ở những nơi trên thế giới có mức sử dụng Internet thấp, chúng tôi mong rằng tác động của hình thức trực tuyến sẽ trở nên mạnh mẽ. Sự thiên vị về mẫu này sẽ có xu hướng kéo điểm số lên cao bằng cách loại trừ những người nghèo hơn và trình độ học vấn thấp hơn cũng như những người sống ở những khu vực có ít hoặc không có kết nối Internet. Tuy nhiên, các bài kiểm tra trực tuyến đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc thu thập lượng dữ liệu rất lớn về một loạt chỉ số và chúng tôi tin rằng chúng cung cấp thông tin có giá trị về mức độ thông thạo Tiếng Anh toàn cầu.

Cách tính điểm số

Điểm EF EPI quốc gia được tính bằng cách tính mức trung bình liên tiếp trong ba năm. Đầu tiên, chúng tôi tính điểm EF SET trung bình mà tất cả người tham gia cư trú tại một quốc gia đạt được trong năm trước đó. Sau đó, chúng tôi tính trung bình điểm đó với điểm EF EPI đã công bố cho Y-1 và Y-2. Điều này giúp ổn định chỉ số và giảm sự bất ổn do phương sai thu thập qua từng năm. Chúng tôi tính điểm cho các ngành nghề, chức năng công việc và cấp bậc thâm niên theo cách tương tự.

Sau khi tính điểm EF EPI quốc gia, chúng tôi sử dụng chúng để tính điểm tổng hợp cho các khu vực trên thế giới (Châu Âu, Châu Á, v.v.) cũng như điểm số toàn cầu. Những điểm số này được tính theo quy mô dân số theo quốc gia, vì vậy, ví dụ, điểm của Ấn Độ có ảnh hưởng lớn hơn nhiều so với điểm của Thái Lan trong cách tính điểm của châu Á. Điều này áp dụng cho tất cả các điểm được tính ở cấp độ siêu quốc gia (điểm số của thế giới và khu vực cùng với phân tích về giới tính và nhóm tuổi).

Điểm cho các nhóm phụ trong một quốc gia không được tính theo quy dân số. Chúng tôi tính toán những điều này trực tiếp dựa trên dữ liệu EF SET của năm dương lịch trước đó, sau đó hiệu chỉnh chúng theo điểm quốc gia về tính liên kết.

Dựa trên ngưỡng điểm, chúng tôi ấn định các quốc gia, khu vực và thành phố theo các mức độ thông thạo. Điều này cho phép nhận biết các cụm có trình độ Tiếng Anh tương tự và so sánh trong và giữa các khu vực.

| CEFR | Điểm Số EF EPI | EF EPI Band |
|--------|----------------|-------------|
| C2 | 700-800 | Rất Cao |
| C1 | 600-699 | Rất Cao |
| B2 | 550-599 | Cao |
| | 500-549 | Trung bình |
| B1 | 450-499 | Thấp |
| | 400-449 | Rất Thấp |
| A2 | 300-399 | Rất Thấp |
| A1 | 200-299 | Rất Thấp |
| Pre-A1 | 1-199 | Rất Thấp |

Các nguồn dữ liệu khác

Báo cáo chỉ số EF EPI không có mục đích cạnh tranh hoặc phủ định các kết quả khảo thí quốc gia, dữ liệu thăm dò về ngôn ngữ hoặc bất kỳ tập dữ liệu nào khác. Thay vào đó, các bộ dữ liệu này có thể bổ sung cho nhau. Một số dữ liệu khá chi tiết nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi một nhóm tuổi, quốc gia hoặc thông tin về người dự thi. Chỉ số EF EPI có đặc tính tổng quát và khảo sát những người trong độ tuổi lao động trên toàn thế giới bằng cách sử dụng một phương pháp đánh giá chung. Hiện không có một bộ dữ liệu nào khác có kích thước và phạm vi tương đương với EF EPI, và mặc dù còn có những hạn chế, chúng tôi và nhiều nhà hoạch định chính sách, học giả và nhà phân tích khác tin rằng đây là một điểm tham chiếu có giá trị trong những trao đổi toàn cầu về đào tạo Tiếng Anh.

EF EPI được tạo ra thông qua một quy trình khác với quy trình được các tổ chức nghiên cứu công khai như Euromonitor và Gallup sử dụng, hoặc do OECD sử dụng trong các khảo sát kỹ năng như PISA và PIAAC. Những nghiên cứu đó lựa chọn những người tham gia khảo sát dựa trên độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập và các yếu tố khác. Nhóm khảo sát của họ có xu hướng nhỏ, chỉ có vài nghìn người tham gia. Bởi vì chúng được tạo ra bằng các phương pháp lấy mẫu phức tạp nên chúng được coi là đại diện cho toàn bộ tổng thể.

PISA sẽ bao gồm bài đánh giá Tiếng Anh như là một ngoại ngữ, sẽ công bố vào năm 2025 và cung cấp một bộ dữ liệu so sánh thứ vị cho EF EPI vì nó đánh giá các trình độ kỹ năng của những học sinh 15 tuổi.

Một nguồn dữ liệu khác về mức độ thông thạo Tiếng Anh xuất phát từ các hệ thống giáo dục quốc gia. Nhiều trường kiểm tra các kỹ năng Tiếng Anh của tất cả các học sinh trung học bằng một kỳ thi được chuẩn hóa toàn quốc. Kết quả của kỳ thi này có thể được công bố hoặc không và được các nhà giáo dục và các quan chức chính phủ sử dụng để đánh giá hiệu quả của cải cách giáo dục và xác định những lĩnh vực cần cải thiện. Đáng tiếc là những kỳ thi cấp quốc gia này không thể so sánh được với nhau và không được áp dụng cho người trưởng thành, vì vậy mặc dù chúng là một chỉ số có ích về mức độ thông thạo Tiếng Anh của học sinh Trung Học như là một phần của thế giới, nhưng chúng không thể được dùng để so sánh giữa các quốc gia, cũng như không thể cho chúng ta biết điều gì về mức độ thông thạo Tiếng Anh của người trưởng thành.

EF Education First

EF Education First (www.ef.com) là tổ chức giáo dục quốc tế tập trung đào tạo ngôn ngữ, học thuật, giao lưu văn hóa và du lịch kết hợp học ngôn ngữ. Được thành lập vào năm 1965, sứ mệnh của EF là "Mở cửa thế giới thông qua giáo dục". Hàng triệu học sinh, doanh nghiệp và tổ chức đã tham gia các khóa học của EF. Chỉ số Thông Thạo Anh Ngữ EF được phát hành bởi Signum International AG.

Các mức độ thông thạo Anh ngữ EF EPI

Giới thiệu về các mức thông thạo của EF EPI

Các mức thông thạo khiến cho việc xác định các nước có trình độ tương tự nhau và việc so sánh giữa và trong các khu vực trở nên dễ dàng hơn. Các khả năng tương ứng được liệt kê ở mỗi mức thông thạo thể hiện một phần những gì một cá nhân có thể hoàn thành ở mỗi cấp độ. Các quốc gia được liệt kê là ba nước đứng đầu ở mỗi mức thông thạo. EF EPI chỉ khảo sát các quốc gia và vùng lãnh thổ nơi tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ.

Trong biểu đồ bên phải, chúng tôi đưa ra các ví dụ về các nhiệm vụ mà một cá nhân có thể hoàn thành ở mỗi mức độ thông thạo. Việc lựa chọn các nhiệm vụ không có nghĩa là toàn diện, nhưng nó là một tài liệu tham khảo hữu ích để hiểu cách các kỹ năng tiến bộ trên các mức độ.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là mức độ thành thạo chỉ thể hiện kỹ năng của người tham gia ở mức độ trung bình. EF EPI tìm cách so sánh giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ, điều này đòi hỏi phải bỏ qua điểm mạnh và điểm yếu của từng cá nhân.

Các Mức Độ Thông Thạo

| Cấp độ | Quốc gia/Vùng lãnh thổ | Ví Dụ Về Khả Năng Tương Ứng Với Các Mức Thông Thạo |
|-------------------|--|---|
| Rất Cao | Đức Hà Lan Singapore | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Sử dụng ngôn ngữ phù hợp và kèm theo sắc thái trong các tình huống xã hội ✓ Đọc các văn bản cao cấp một cách dễ dàng ✓ Đàm phán hợp đồng với một người nói tiếng Anh bản xứ |
| Cao | Argentina Nigeria Philippines | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thuyết trình tại nơi làm việc ✓ Hiểu các chương trình truyền hình ✓ Đọc một tờ báo |
| Trung bình | Brazil Ấn Độ Nga | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tham gia vào các cuộc họp trong lĩnh vực chuyên môn của mình ✓ Hiểu lời bài hát ✓ Viết các email chuyên nghiệp về các chủ đề quen thuộc |
| Thấp | Trung Quốc Trung Quốc Thổ Nhĩ Kỳ | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Khám phá một nước nói tiếng Anh với vai trò một du khách ✓ Nói chuyện, tán gẫu với đồng nghiệp ✓ Hiểu các email đơn giản từ đồng nghiệp |
| Rất thấp | Mexico Ả Rập Xê-út Thái Lan | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giới thiệu đơn giản về bản thân (tên, tuổi, quốc gia xuất xứ) ✓ Hiểu các dấu hiệu đơn giản ✓ Đưa ra những hướng dẫn cơ bản cho một du khách nước ngoài |

Năng lực ngôn ngữ và các cấp độ theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR)

Mức Độ Cao Cấp

- | | |
|-----------|--|
| C2 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. • Có thể tóm tắt thông tin từ các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. • Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được được các ý nghĩa tinh tuý khác nhau trong các tình huống phức tạp. |
| C1 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu những văn bản dài, phức tạp và nhận biết được hàm ý. • Có thể diễn đạt trôi chảy và tức thì mà không phải khó khăn tìm từ ngữ diễn đạt. • Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. • Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng sử dụng tốt bố cục văn bản, từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết từ ngữ. |

Mức Độ Trung Cấp

- | | |
|-----------|---|
| B2 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu ý chính của văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. • Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên để có thể giao tiếp thường xuyên với người bản ngữ mà không làm cho bên giao tiếp nào bị căng thẳng. • Có thể viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau. |
| B1 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v. • Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. • Có thể viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. • Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. |

Mức Độ Sơ Cấp

- | | |
|-----------|--|
| A2 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu được các câu và cấu trúc thường xuyên được sử dụng liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối cần thiết (chẳng hạn như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). • Có thể giao tiếp về những chủ đề giao tiếp đơn giản, sự vụ cần trao đổi thông tin về những vấn đề quen thuộc hàng ngày. • Có thể mô tả đơn giản về bản thân mình, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu. |
| A1 | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật và các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. • Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác và có thể trả lời những thông tin về bản thân mình như sống ở đâu, biết ai và có cái gì. • Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm và rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ. |

Trích Dẫn Theo Hội Đồng Châu Âu

Tất cả các quốc gia và khu vực trong báo cáo EF EPI đều có năng lực Anh ngữ tương ứng từ cấp độ A2 tới C1.

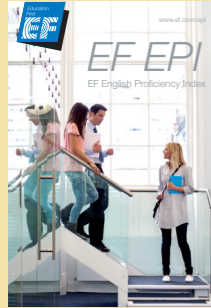
Xếp hạng EF EPI của các quốc gia và khu vực

Góc nhìn về những thay đổi trong kỹ năng tiếng Anh trong năm vừa qua:

| | EF EPI Ấn bản 2023 | EF EPI Ấn bản 2022 | Điểm thay đổi |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| Hà Lan | 647 | 661 | -14 |
| Singapore | 631 | 642 | -11 |
| Áo | 616 | 628 | -12 |
| Đan Mạch | 615 | 625 | -10 |
| Na Uy | 614 | 627 | -13 |
| Thụy Điển | 609 | 618 | -9 |
| Bỉ | 608 | 620 | -12 |
| Bồ Đào Nha | 607 | 614 | -7 |
| Nam Phi | 605 | 609 | -4 |
| Đức | 604 | 613 | -9 |
| Croatia | 603 | 612 | -9 |
| Hy Lạp | 602 | 598 | 4 |
| Ba Lan | 598 | 600 | -2 |
| Phần Lan | 597 | 615 | -18 |
| Romania | 596 | 595 | 1 |
| Bulgaria | 589 | 581 | 8 |
| Hungary | 588 | 590 | -2 |
| Slovakia | 587 | 597 | -10 |
| Kenya | 584 | 582 | 2 |
| Philippines | 578 | 578 | 0 |
| Lithuania | 576 | 589 | -13 |
| Luxembourg | 575 | 596 | -21 |
| Estonia | 570 | 570 | 0 |
| Serbia | 569 | 567 | 2 |
| Malaysia | 568 | 574 | -6 |
| Czech Republic | 565 | 575 | -10 |
| Nigeria | 562 | 564 | -2 |
| Argentina | 560 | 562 | -2 |
| Hồng Kông (Trung Quốc) | 558 | 561 | -3 |
| Thụy Sĩ | 553 | 563 | -10 |
| Honduras | 544 | 522 | 22 |
| Georgia | 541 | 524 | 17 |
| Belarus | 539 | 533 | 6 |
| Ghana | 537 | 529 | 8 |
| Ý | 535 | 548 | -13 |
| Moldova | 535 | 528 | 7 |
| Tây Ban Nha | 535 | 545 | -10 |
| Costa Rica | 534 | 536 | -2 |
| Albania | 533 | 523 | 10 |
| Uruguay | 533 | 521 | 12 |
| Bolivia | 532 | 525 | 7 |
| Nga | 532 | 530 | 2 |
| Cuba | 531 | 535 | -4 |
| Pháp | 531 | 541 | -10 |
| Paraguay | 530 | 526 | 4 |
| Ukraine | 530 | 539 | -9 |
| Uganda | 529 | 512 | 17 |
| Armenia | 528 | 506 | 22 |
| Hàn Quốc | 525 | 537 | -12 |
| El Salvador | 524 | 519 | 5 |
| Peru | 521 | 517 | 4 |
| Chile | 518 | 524 | -6 |
| Guatemala | 515 | 505 | 10 |
| Israel | 514 | 483 | 31 |
| Cộng hòa Dominica | 512 | 514 | -2 |
| Venezuela | 508 | 492 | 16 |

| | EF EPI Ấn bản 2023 | EF EPI Ấn bản 2022 | Điểm thay đổi |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| Nepal | 507 | 494 | 13 |
| Iran | 505 | 489 | 16 |
| Việt Nam | 505 | 502 | 3 |
| Bangladesh | 504 | 493 | 11 |
| Ấn Độ | 504 | 516 | -12 |
| Nicaragua | 503 | 499 | 4 |
| Tunisia | 502 | 511 | -9 |
| Pakistan | 497 | 488 | 9 |
| Li-băng | 496 | 513 | -17 |
| Thổ Nhĩ Kỳ | 493 | 495 | -2 |
| Sri Lanka | 491 | 487 | 4 |
| Tanzania | 491 | 496 | -5 |
| Ethiopia | 490 | 490 | 0 |
| Brazil | 487 | 505 | -18 |
| Panama | 486 | 482 | 4 |
| Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất | 486 | 476 | 10 |
| Mông Cổ | 482 | 485 | -3 |
| Qatar | 482 | 484 | -2 |
| Colombia | 480 | 477 | 3 |
| Morocco | 478 | 478 | 0 |
| Algeria | 475 | 476 | -1 |
| Madagascar | 474 | — | Mới |
| Indonesia | 473 | 469 | 4 |
| Ecuador | 467 | 466 | 1 |
| Syria | 467 | 461 | 6 |
| Trung Quốc | 464 | 498 | -34 |
| Azerbaijan | 463 | 440 | 23 |
| Ai Cập | 463 | 454 | 9 |
| Kuwait | 461 | 459 | 2 |
| Malawi | 460 | — | Mới |
| Nhật Bản | 457 | 475 | -18 |
| Afghanistan | 456 | 450 | 6 |
| Mexico | 451 | 447 | 4 |
| Kyrgyzstan | 450 | 442 | 8 |
| Myanmar | 450 | 437 | 13 |
| Palestine | 445 | — | Mới |
| Uzbekistan | 442 | 446 | -4 |
| Cameroon | 438 | 425 | 13 |
| Senegal | 438 | — | Mới |
| Jordan | 431 | 443 | -12 |
| Sudan | 430 | 426 | 4 |
| Cambodia | 421 | 434 | -13 |
| Haiti | 421 | 421 | 0 |
| Oman | 418 | 412 | 6 |
| Angola | 416 | 402 | 14 |
| Bê-nanh | 416 | — | Mới |
| Thái Lan | 416 | 423 | -7 |
| Kazakhstan | 415 | 420 | -5 |
| Somalia | 411 | 414 | -3 |
| Iraq | 410 | 404 | 6 |
| Bờ Biển Ngà | 409 | 403 | 6 |
| Ả Rập Xê-út | 408 | 406 | 2 |
| Rwanda | 405 | 392 | 13 |
| Libya | 392 | 390 | 2 |
| Yemen | 392 | 370 | 22 |
| Tajikistan | 388 | 397 | -9 |
| Cộng hòa Dân chủ Congo | 385 | 367 | 18 |

Truy cập www.ef.com/epi để tải về ấn bản ef epi trước đó.



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2011)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2012)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2013)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2014)



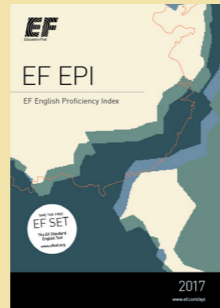
Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2023)



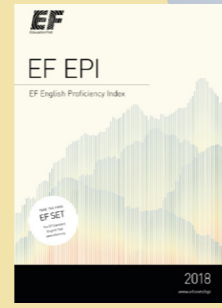
Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2015)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2016)



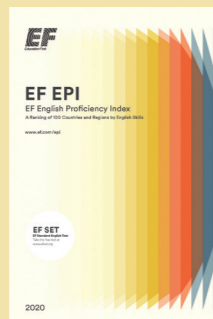
Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2017)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2018)



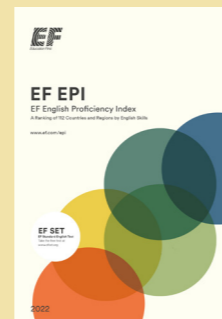
Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2019)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2020)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2021)



Chỉ số Thông thạo Anh ngữ EF
Ấn bản thứ nhất (2022)

